

Số: 284/KH-THPTTV

Như Quỳnh, ngày 04 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2026 – 2027

A. CÁC CĂN CỨ XÂY KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 24/3/2026 về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 Thông tư ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư 13/BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình phổ thông ban hành kèm theo Thông tư 32/BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông.

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 07/3/2025 về việc Quy định chế độ làm việc của giáo viên phổ thông, dự bị đại học

Căn cứ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 Thông tư quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 11/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên; Chỉ thị số 12/CT-UBND của UBND tỉnh về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026 - 2027 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ công văn số 1310/SGDĐT-GDPT ngày 03/9/2026 của Sở GDĐT Hưng Yên về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2026-2027;

Căn cứ kết quả năm học 2025-2026 và thực tế đội ngũ, điều kiện cơ sở vật chất của trường THPT Trung Vương xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường cụ thể như sau:

B. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC:

1. Đội ngũ CB, giáo viên, nhân viên.

Năm học 2026-2027 trường THPT Trung Vương có:

- Tổng số CBGV, NV: 72 đồng chí, trong đó
- + Ban lãnh đạo: 03 đồng chí; GV: 66 đồng chí; Nhân viên: 03 đồng chí
- Chi bộ có: 51 đảng viên trong đó chính thức: 36 đảng viên; dự bị: 15 đảng viên.

Bảng thống kê số lượng và cơ cấu CBQL, GV, NV
(Thời điểm tháng 8/2026)

TT		Số lượng	Giới tính		Độ tuổi					Trình độ đào tạo			Ghi chú
			Nam	Nữ	Dưới 25	Từ 25 đến dưới 35	Từ 35 đến dưới 45	Từ 45 đến dưới 50	Trên 50	Cao đẳng	Đại học	Sau đại học	
Cán bộ quản lý													
1	Hiệu trưởng	1		1					1			1	
2	Phó hiệu trưởng	2		2				1	1			2	
Giáo viên													
3	Giáo viên Ngữ văn	10	1	9		4	2	4			5	5	
4	Giáo viên Toán	9		9			5	2	2		8	1	
5	Giáo viên Tiếng Anh	10		10		1	7	2			7	3	
6	Giáo viên Giáo dục thể chất	5	2	3			2	1	2		5		
7	Giáo dục quốc phòng và An ninh	2	2				1	1			2		
8	Giáo viên Lịch sử	4		4		1		3			1	3	
9	Giáo viên Địa lí	2	1	1			1	1			2		
10	Giáo viên GDKTPL	2		2				2			2		
11	Giáo viên Vật lí	6	1	5			2	4			2	4	
12	Giáo viên Hoá học	5	1	4			4	1			4	1	
13	Giáo viên Sinh học	4	1	3	1	2	1				2	2	

14	Giáo viên Mỹ thuật	0											
15	Giáo viên Công nghệ	3		3		2	1				3		
16	Giáo viên Tin học	4		4			4					4	
Nhân viên													
17	Nhân viên thư viện-thiết bị	1									1		
18	Nhân viên thiết bị	0											
19	Nhân viên văn thư	1									1		
20	Nhân viên kế toán	1		1		1						1	

- Trường cơ bản đủ về số lượng CBGVNV, 100% đạt chuẩn, trong đó có 38% đạt trình độ trên chuẩn (Thạc sĩ). Đội ngũ CBGV phần lớn chịu khó học tập, bồi dưỡng nâng chuẩn, nhiệt tình, trách nhiệm, đoàn kết, kỷ cương, yêu nghề hưởng ứng tích cực sự đổi mới của giáo dục và kế hoạch chương trình của nhà trường;

- Trong công tác, chấp hành tốt kỷ luật lao động, quy chế chuyên môn, khá năng động, sáng tạo có tinh thần chia sẻ và hợp tác với đồng nghiệp, có ý thức đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá;

2. Cơ cấu lớp học:

Toàn trường có 38 lớp và 1.759 học sinh trong đó:

Khối lớp 10 là 14 lớp = 630 học sinh

Khối lớp 11 là 12 lớp = 563 học sinh

Khối lớp 12 là 12 lớp = 566 học sinh

Trường có 38 lớp học sinh với 1759 em trong đó nữ chiếm khoảng 64%. Học sinh phần lớn chăm ngoan, hiếu học và có Kết quả học tập đạt Khá trở lên; phụ huynh luôn quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của con em mình, đó là tiền đề thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển nhà trường.

Chất lượng đào tạo luôn nằm trong tốp đầu khối THPT toàn tỉnh. *Cụ thể:*

- *Chất lượng học sinh giỏi:* được quan tâm đúng mức, hàng năm đều đạt từ 18 giải trở lên và có nhiều giải Nhất, Nhì, Ba, KK trong Kỳ thi chọn HSG cấp Tỉnh.

- Chất lượng thi tuyển sinh đầu vào khá cao trong Tỉnh và xét tuyển ĐH đạt chất lượng tốt.

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA NHÀ TRƯỜNG:

Các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy như: hệ thống phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, phòng tin học, thư viện, trang thiết bị thí nghiệm... ngày càng được bổ sung, hoàn thiện; cảnh quan môi trường ngày càng khang trang, hiện đại đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu của công tác dạy học. *Cụ thể:*

- Tổng diện tích toàn trường 14.899m², chia làm hai khu, khu làm việc, học tập của cán bộ giáo viên học sinh và khu luyện tập thể dục, thể thao có diện tích 5000 m² cho học sinh.

Số phòng phục vụ giảng dạy học tập: 26 phòng học, 02 phòng máy vi tính, 03 phòng thực hành, 01 phòng thư viện, 01 phòng thiết bị, 02 phòng học đa năng, 01 phòng truyền thống, một khu mới đang xây dựng dự kiến đưa vào sử dụng năm học 2027-2028.

- *Phòng chức năng:* có đủ phòng làm việc của BGH, các tổ chức Đoàn thể; các tổ bộ môn, phòng họp, phòng chờ, phòng giao ban lãnh đạo, phòng tiếp dân....

- Sân trường được đổ bê tông, có hệ thống cây xanh cây bóng mát; có khu để xe riêng cho giáo viên và học sinh;

- Có công trình vệ sinh công cộng riêng cho giáo viên, học sinh và đảm bảo vệ sinh môi trường; có công trình nước sạch cấp đủ nước sử dụng hàng ngày cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Trường có hệ thống công nghệ thông tin kết nối Internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học.

III. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi:

- Trường luôn nhận được sự ủng hộ, quan tâm, tạo điều kiện của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương, của Sở giáo dục và Đào tạo Hưng Yên.

- Địa phương là nơi có truyền thống văn hóa lâu đời, có tinh thần hiếu học. Phụ huynh quan tâm chăm lo đến việc học tập của con em và luôn ủng hộ, đồng thuận với mọi chủ trương và tạo điều kiện cho nhà trường trong mọi hoạt động.

- Ban lãnh đạo là một tập thể đoàn kết, có trình độ trên chuẩn, sáng tạo. Trong công tác chỉ đạo, điều hành luôn chủ động có kế hoạch cụ thể, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, phối kết hợp được các lực lượng trong và ngoài nhà trường nhằm thực hiện có hiệu quả các kế hoạch đề ra.

- Công tác tổ chức triển khai kiểm tra nội bộ sâu sát, thực chất và đổi mới. Khi thực hiện luôn chủ động điều chỉnh kế hoạch kịp thời sát với thực tế, được sự tin tưởng cao của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương, sự ủng hộ, đồng thuận, tạo điều kiện giúp đỡ của các bậc cha mẹ học sinh và các thế hệ cựu học sinh.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có chuyên môn vững vàng, tâm huyết với nghề, nhiệt tình, trách nhiệm với công việc, đa số được học sinh và cha mẹ học sinh tin nhiệm.

- Công tác thi đua, khen thưởng được quan tâm, thực hiện đúng và kịp thời, đây là động lực thúc đẩy mạnh mẽ các phong trào hoạt động

- Liên tục các năm gần đây trường đều có thành tích cao trong phong trào giáo dục toàn diện của nhà trường.

2. Khó khăn

Cơ sở vật chất của nhà trường vẫn còn hạn chế, trường phải học 02 ca phần nào cũng ảnh hưởng đến tổ chức dạy và học.

Một số giáo viên chưa chủ động trong việc tự học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân.

Còn một bộ phận học sinh có ý thức tu dưỡng rèn luyện chưa tốt.

Một bộ phận không nhỏ các bậc phụ huynh mãi làm ăn phát triển kinh tế, thường xuyên xa nhà nên khó khăn trong phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong giáo dục con em.

IV. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của giáo dục phổ thông là nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, giữ vững và nâng cao vị thế là một trong những trường THPT chất lượng cao thuộc nhóm dẫn đầu đầu khối THPT của tỉnh Hưng Yên đồng thời là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1 Thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; giáo dục truyền thống; xây dựng trường học nền nếp, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, thân thiện, không bạo lực học đường.

Nhà trường đạt yêu cầu nhà trường văn hoá, học sinh chăm ngoan thanh lịch, sống có lý tưởng, có hoài bão, biết sống hòa nhập, trách nhiệm, sẻ chia.

2.2. Thực hiện tốt công tác chuyên môn

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, tập trung phát triển đội ngũ về năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch theo định hướng phát triển năng lực học sinh; năng lực ứng dụng công nghệ thông tin; năng lực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo; đổi mới sinh hoạt chuyên môn; nâng cao năng lực của giáo viên chủ nhiệm lớp.

- Thực hiện có hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực; Đổi mới nội dung, phương thức kiểm tra, đánh giá học sinh nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học của học sinh; Nâng cao chất lượng dạy học thực hành, thí nghiệm, dạy học ngoại ngữ, dạy học qua di sản,...; Tăng cường kỹ năng thí nghiệm, thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; Đa dạng hóa các hình thức học tập, nghiên cứu khoa học cho học sinh.

- Chất lượng đại trà ổn định, có nhiều học sinh xếp loại Giỏi, học sinh được rèn luyện tốt các kỹ năng. Kết quả thi Học sinh Giỏi cấp tỉnh, Hội thi đạt cao hơn những năm trước;

2.3. Công tác quản lý, chỉ đạo.

Đề cao tinh thần đổi mới và sáng tạo trong quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Tập trung đổi mới phong cách, nâng cao hiệu quả công tác quản lý theo hướng tăng cường phân cấp quản lý, thực hiện quyền tự chủ trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, đơn vị và cá nhân có trách nhiệm giải trình việc thực hiện nhiệm vụ khi xã hội và cấp trên kiểm tra, giám sát. Phát huy trách nhiệm người đứng đầu trong đơn vị.

2.4. Công tác kiểm tra, giám sát

Thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra giám sát kể cả kiểm tra chuyên đề, kiểm tra đột xuất đảm bảo công khai, minh bạch, hạn chế thấp nhất sự sai sót. Trong đó chú trọng các nội dung kiểm tra, giám sát: Việc triển khai Chương trình GDPT; việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; công tác quản lý, tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà

trường; công tác quản lý giáo viên tham gia dạy thêm ngoài nhà trường,...; giám sát các nội dung tác động trực tiếp đến quyền lợi học sinh, chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.

2.5. Chế độ thông tin, báo cáo

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo chính xác, đúng quy định.

3. Định hướng xây dựng kế hoạch của nhà trường

Xây dựng trường học hạnh phúc, an toàn, thân thiện, bình đẳng, kỷ cương; nâng cao chất lượng giáo dục; cán bộ, giáo viên tích cực, sáng tạo; học sinh có cơ hội học tập, phát triển năng lực và phẩm chất, yêu thích môn học, cảm nhận mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ cho việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ở cả ba khối lớp.

Thực hiện tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục theo Kế hoạch đã xây dựng và các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

C. NỘI DUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026-2027

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018¹ (GDPT) trong năm học 2026-2027 bảo đảm tính khoa học, sư phạm, khai thác tối đa hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất giúp học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày tại các cơ sở giáo dục cấp THCS, THPT có đủ điều kiện theo đúng hướng dẫn tại Văn bản số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông.

3. Tăng cường công tác quản lý, tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, UBND tỉnh và Sở GDĐT.

4. Bảo đảm đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; sắp xếp hợp lý mạng lưới trường, lớp, bảo đảm các cơ sở giáo dục hoạt động ổn định, thông suốt ngay từ đầu năm học.

5. Tiếp tục nâng cao hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực học sinh; thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục STEM/STEAM, giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI), giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau THCS và THPT; nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh; chuẩn bị tốt các điều kiện bảo đảm để từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong các cơ sở giáo dục trung học.

¹ Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022; Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021; Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.

6. Thực hiện giáo dục bắt buộc theo quy định và bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục²; tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

7. Đổi mới quản lý giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường; đẩy mạnh chuyển đổi số, trong đó tiếp tục triển khai học bạ số, giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo; giảm hồ sơ, thủ tục hành chính.

8. Tiếp tục tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học; chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình.

II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường bảo đảm yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018, sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Phân công giáo viên giảng dạy bảo đảm yêu cầu phù hợp chuyên môn, năng lực của giáo viên. Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo đủ thực hiện trong 35 tuần thực học đối với tất cả các môn học/hoạt động giáo dục.

Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp: Ưu tiên phân công giáo viên có năng lực chuyên môn phù hợp với các nội dung trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Về cơ bản phân công giáo viên chủ nhiệm tổ chức thực hiện theo từng chủ đề.

Nội dung giáo dục địa phương: Phân công giáo viên các bộ môn Ngữ văn, Tin học, Sinh, GD KT&PL, Địa lý... thực hiện giảng dạy cả ba khối lớp, thực hiện 01 tiết/lớp/tuần học.

Đối với các môn học còn lại do điều kiện đảm bảo cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên nên nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học trải đều trong 35 tuần thực học của năm học 2026-2027.

Rà soát, cập nhật tài liệu, học liệu; bảo đảm nội dung dạy học phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông.

Tổ chức đầy đủ các môn học, hoạt động giáo dục; dạy học 2 buổi/ngày phù hợp với điều kiện thực tế, ưu tiên củng cố kiến thức, phát triển năng lực và hỗ trợ học sinh.

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục. Bố trí thời gian thực hiện chương trình hiệu quả, bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; bảo đảm cuối năm học học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của Chương trình.

1.1. Kế hoạch cho 35 tuần giảng dạy và thực hiện các nhiệm vụ giáo dục;

Cả ba khối 10, 11, 12 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018

Mỗi lớp thực hiện: 28,5 tiết/tuần x 35 tuần = 997 tiết

Khối 12

² Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục số 43/2019/QH14.

STT	Môn học và chuyên đề học tập	Mẫu tổng quan	Lớp 12A1,A2,A3,A4	Lớp 12A5,A6	Lớp 12A7	Lớp 12A8,A9,A10	Lớp 12A11,A12
1	Môn Ngữ văn	105 tiết	105	105	105	105	105
	Chuyên đề học tập lựa chọn (CĐHT) môn Ngữ văn	35 tiết		35	35	35	35
2	Môn Toán	105 tiết	105	105	105	105	105
	CĐHT môn Toán	35 tiết	35	35	35	35	35
3	Môn Ngoại ngữ 1	105 tiết	105	105	105	105	105
4	Môn Giáo dục thể chất	70 tiết	70	70	70	70	70
5	Môn Giáo dục QPAN	35 tiết	35	35	35	35	35
6	Hoạt động TN, HN	105 tiết	105	105	105	105	105
7	Nội dung GDĐP	35 tiết	35	35	35	35	35
8	Môn Lịch sử	52 tiết	52	52	52	52	52
	CĐHT môn Lịch sử	35 tiết		35			
9	Môn Địa lí	70 tiết		70	70	70	
	CĐHT môn Địa lí	35 tiết			35		
10	Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	70 tiết			70		70
11	Môn Vật lí	70 tiết	70			70	70
	CĐHT môn Vật lí	35 tiết	35			35	35
12	Môn Hoá học	70 tiết	70		70	70	
	CĐHT môn Hoá học	35 tiết	35				
13	Môn Sinh học	70 tiết	70	70			70
	CĐHT môn Sinh học	35 tiết					
14	Môn Công nghệ	70 tiết		70(NN)	70(NN)		70(CN)
15	Môn Tin học	70 tiết	70	70		70	
	Tổng số tiết học/năm học (không kể các môn học tự chọn)		997	997	997	997	997

Khối 11

STT	Môn học và chuyên đề học tập	Mẫu tổng quan	Lớp 11A1	Lớp 11A2	Lớp 11A4, A5,A6,A7,A8	Lớp 11A3	Lớp 11A9,A11,A12	Lớp 11A10
1	Môn Ngữ văn	105 tiết	105	105	105	105	105	105
	Chuyên đề học tập lựa chọn (CĐHT) môn Ngữ văn	35 tiết	35	35	35	35		
2	Môn Toán	105 tiết	105	105	105	105	105	105
	CĐHT môn Toán	35 tiết	35	35	35	35	35	35
3	Môn Ngoại ngữ 1	105 tiết	105	105	105	105	105	105
4	Môn Giáo dục thể chất	70 tiết	70	70	70	70	70	70
5	Môn Giáo dục QPAN	35 tiết	35	35	35	35	35	35
6	Hoạt động TN, HN	105 tiết	105	105	105	105	105	105
7	Nội dung GDĐP	35 tiết	35	35	35	35	35	35
8	Môn Lịch sử	52 tiết	52	52	52	52	52	52
	CĐHT môn Lịch sử	35 tiết	35					
9	Môn Địa lí	70 tiết	70	70		70		
10	Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	70 tiết	70	70		70		
	CĐHT môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	35 tiết		35		35		
11	Môn Vật lí	70 tiết			70		70	70
	CĐHT môn Vật lí	35 tiết			35		35	35
12	Môn Hoá học	70 tiết			70		70	70

STT	Môn học và chuyên đề học tập	Mẫu tổng quan	Lớp 11A1	Lớp 11A2	Lớp 11A4, A5,A6,A7,A8	Lớp 11A3	Lớp 11A9,A11,A12	Lớp 11A10
	CDHT môn Hoá học	35 tiết					35	35
13	Môn Sinh học	70 tiết	70		70		70	70
14	Môn Công nghệ	70 tiết	70 (NN)		70(NN,CN)	70(NN)		70(CN)
15	Môn Tin học	70 tiết			70	70	70	
	Tổng số tiết học/năm học (không kể các môn học tự chọn)		997	997	997	997	997	997

Khối 10

STT	Môn học và chuyên đề học tập	Mẫu tổng quan	Lớp 10A1,2,3	Lớp 10A4,A5, A6, A7	Lớp 10A8,9	Lớp 10A10	Lớp 10A11,12,13,14
1	Môn Ngữ văn	105 tiết	105	105	105	105	105
	Chuyên đề học tập lựa chọn (CDHT) môn Ngữ văn	35 tiết	35	35	35	35	
2	Môn Toán	105 tiết	105	105	105	105	105
	CDHT môn Toán	35 tiết	35	35	35	35	35
3	Môn Ngoại ngữ 1	105 tiết	105	105	105	105	105
4	Môn Giáo dục thể chất	70 tiết	70	70	70	70	70
5	Môn Giáo	35	35	35	35	35	35

STT	Môn học và chuyên đề học tập	Mẫu tổng quan	Lớp 10A1,2,3	Lớp 10A4,A5, A6, A7	Lớp 10A8,9	Lớp 10A10	Lớp 10A11,12,13,14
	đục QPAN	tiết					
6	Hoạt động TN, HN	105 tiết	105	105	105	105	105
7	Nội dung GDĐP	35 tiết	35	35	35	35	35
8	Môn Lịch sử	52 tiết	52	52	52	52	52
	CĐHT môn Lịch sử	35 tiết			35	35	
9	Môn Địa lí	70 tiết	70		70	70	
	CĐHT môn Địa lí	35 tiết					
10	Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật	70 tiết		70	70	70	
11	Môn Vật lí	70 tiết	70	70			70
	CĐHT môn Vật lí	35 tiết	35	35			35
12	Môn Hoá học	70 tiết	70	70		70	70
	CĐHT môn Hoá học	35 tiết					35
13	Môn Sinh học	70 tiết			70		70
14	Môn Công nghệ	70 tiết	70 (CN)			70 (NN)	
15	Môn Tin học	70 tiết		70	70		70

STT	Môn học và chuyên đề học tập	Mẫu tổng quan	Lớp 10A1,2,3	Lớp 10A4,A5, A6, A7	Lớp 10A8,9	Lớp 10A10	Lớp 10A11,12,13,14
	Tổng số tiết học/năm học (không kể các môn học tự chọn)		997	997	997	997	997

1.2. Phân công chuyên môn CBQL, GV

a) Phân công nhiệm vụ cụ thể các giờ tổ chức HĐTNHN quy mô toàn trường.

* Tổ chức tại sân trường. Tổ chức hoạt động trải nghiệm di sản văn hóa qua các buổi trải nghiệm thực tế: (dự kiến 5 tiết/1/lớp/1 năm);

Các chủ đề thực hiện: Tuyên truyền về an toàn giao thông, tuyên truyền về an ninh mạng, PCCC; giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống qua các chuyên đề của tổ Tư vấn tâm lý và xã hội hoặc các chuyên gia...

Thời gian thực hiện: tiết 1 sáng thứ 2 (khối 11,12), tiết 4 chiều thứ 2 (khối 10).

Địa điểm: Sân trường THPT Trưng Vương

Thành phần: BGH, BCH Đoàn, GVCN, GV, học sinh toàn trường.

TT	Thành phần	Nhiệm vụ	Số tiết làm việc	Tổng số tiết 1 người /năm	Tổng tiết
1	Ban giám hiệu	-Lập kế hoạch. Hợp với chuyên gia thống nhất nội dung chương trình. Hợp với phụ huynh thống nhất địa điểm. -Duyệt nội dung chương trình. Duyệt lịch trình buổi trải nghiệm. -Quản lý chung trong cả ngày trải nghiệm. -Quản lý chung trong các chương trình sáng và chiều. -Thực hiện một số nội dung trong chương trình. -Phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên trong chương trình. -Phụ trách các CSVC cần thiết.	1 tiết /1 tuần/1 gv	35 tiết	105 tiết
2	BT Đoàn, Phó BT Đoàn.	-Quản lý học sinh cùng GVCN trong các chương trình sáng và chiều. Quản lý chung trong cả ngày trải nghiệm. -Thực hiện một số nội dung trong	0,5 tiết /1 buổi/1 gv	17,5 tiết	52,5 tiết

		chương trình. -Thực hiện một số nhiệm vụ trong buổi trải nghiệm khi được phân công. -Dẫn chương trình. Phụ trách trang trí khánh tiết. -Phụ trách loa đài, âm thanh. -Phụ trách các CSVC cần thiết			
3	BCH Đoàn	-Thực hiện một số nhiệm vụ khi được phân công. -Quản lý học sinh chung		5 tiết	20 tiết
4	Các bộ phận khác	-Một số hoạt động khác trong các buổi sinh hoạt tập thể chung. -Phụ trách đội kéo cờ.		12,5 tiết	12,5 tiết

* Giáo viên dạy theo từng lớp 100 tiết/năm.

b) Phân công chuyên môn toàn trường

I Tổ Toán-Tin										
T T	Họ tên	Giảng dạy					Chủ nhiệm	Kiểm nhiệm	Tổng số tiết	Dạy HĐTN HN hoặc GDDP
	Môn Toán	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Giáo dục địa phương				
1	Bùi Thị Ngọc			A8	1				5	HĐTN HN tiết 1 sáng thứ Hai
2	Nguyễn Thị Thu Thủy			A3	1				5	tiết 1 sáng thứ Hai
3	Nguyễn Thị Tú	A13,14	A8,9					TTC M: 3	19	
4	Trương Thị Bích Hải		A10,11	A1,2			12A 2		20	
5	Trần Thị Thu Hằng	A5,7		A5,10	2.8 6		12A 5		22. 86	+ Dạy 100 tiết/năm

										HĐTN HN 12A5
6	Tô Thị Thùy Linh		A1,4,5	A9,12					20	
7	Nguyễn Thị Loan	A1,3,10	A7				10A 1		20	
8	Hoàng Thị Loan		A12	A4,7	2.8 6		11A 12		18. 86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 11A12
9	Nguyễn Thị Châm	A4,6,9	A2,6						20	
1 0	Phạm Thị Nhâm	A2,8	A3		2.8 6		10A 2		18. 86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 10A2
1 2	Nguyễn Thị Kim Nhân	A11,12		A6,11			10A 12		20	
T T	Họ tên	Giảng dạy					Chủ nhiệm	Kiểm nhiệm	Tổng số tiết	Dạy HĐTN HN hoặc GDDP
	Môn Tin học	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Giáo dục địa phương				
1	Phùng Thị Nguyệt	A4,9,11,1 2,14		A1,2,5, 6		2		1 PM	21	GDDP 11A11, 12
2	Phạm Thị Nhan	A5,8		A3,4,8	5.7 2		10A 5	2 TK	21. 72	+ Dạy 100 tiết/năm

										HĐTN HN 10A4,5
3	Nguyễn Thị Duyên	A6,7,13	A2,3,7,8, 9,12					2 PM, CD	20	
4	Nguyễn Thị Kiều Lan		A4,5,6,11	A9,10		3		2 TB, TVT L	17	GDDP 12A9,1 0,12
II										
Tổ Lý – Công – Thể										
T T	Họ tên	Giảng dạy					Chủ nhiệm	Kiểm nhiệm	TS tiết	Dạy HĐTN HN hoặc GDDP
	Môn Vật lí	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Giáo dục địa phương				
1	Đỗ Thị Thiết	A11,12		A8,9			12A 8	TTC M: 3	19	
2	Đỗ Minh Đức	A1,13		A4,11	2.8 6		12A 11		18.86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 12A11
3	Nguyễn Thị Giang	A4,5		A1,2,3			10A 4		19	
4	Đào Thị Hạt		A7,8	A10,12	2.8 6		12A 10		18.86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 12A10

5	Nguyễn Thị Thu Hiền		A9,10,11,12		2.86		11A9		18.86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 11A9
6	Nguyễn Thị Ngát	A2,3,6	A4,5,6					1 TB	19	
7	Kiều Trang	A6,14							6	GV hợp đồng
T T	Họ tên	Giảng dạy					Chủ nhiệm	Kiểm nhiệm	TS tiết	Dạy HĐTN HN hoặc GDDP
	Môn Giáo dục thể chất	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Giáo dục địa phương				
1	Nguyễn Thị Châm	A7,8,9,10	A1,2,3		2.86		10A9		20.86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 10A9
2	Nguyễn Việt Kiên	A11,12,13,14		A6,7,11	2.86		12A6		20.86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 12A6
3	Vương Thị Quy	A1,2,3	A4,6,8,9		2.86		11A4		20.86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 11A4

4	Chu Đức Thịnh	A4,5,6		A1,2,3, 4,5				3 PCT CD	19	
5	Lê Đức Thọ		A5,7,10,1 1,12	A8,9,1 0,12				1 TB	19	

T T	Họ tên	Giảng dạy						Chủ nhiệm	Kiểm nhiệm	TS tiết	Dạy HĐTNHN hoặc GDBP
	Môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Giáo dục địa phương					
1	Nguyễn Thế Kiên	A1,2,3,4,5, 6,7	A1,2,3,4, 5,6,7,8,9, 10,11,12							19	
2	Chu Xuân Chinh	A8,9,10,11, 12,13,14		A1,2,3,4,5,6,7, 8,9,10,11,12					1 TB QP	19	
T T	Họ tên	Giảng dạy						Chủ nhiệm	Kiểm nhiệm	TS tiết	Dạy HĐTNHN hoặc GDBP
	Môn Công nghệ	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Giáo dục địa phương					

1	Hoàng Thị Yến	A1,2	A10		11.44		11 A1 0	1 TV TL	22. 44	+Dạy 100 tiết/năm HĐTNH N 11A10 và 10A1,7,1 2
2	Đoàn Bích Huyền	A3		A11,12	11. 44		12 A1 2		21. 44	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTNH N 12A12; và 12A1,2,8
I I I	Tổ Hóa - Sinh									
T T	Họ tên	Giảng dạy					Chủ nhiệm	Kiểm nhiệm	TS tiết	Dạy HĐTNHN hoặc GĐBP
	Môn Hóa học	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Giáo dục địa phương				
1	Đỗ Thị Thùy Chi		A4,5,6,7, 8	A2	2.8 6		11 A7		19. 86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTNH N 11A7
2	Hoàng Văn Hùng	A12,13		A1,3,4	2.8 6		10 A1 3		21. 86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTNH N 10A13
3	Trần Thị Ngân	A1,2,4	A10,11		2.8 6		11 A1	1 TV	19. 86	+ Dạy 100

							1	TL		tiết/năm HĐTNH N 11A11
4	Hoàng Thị Thu Thủy	A11,14	A9,12		2.8 6		10 A1 1	1 CD	19. 86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTNH N 10A11
5	Lê Thị Tươi	A3,5,6,7,1 0		A7,8,9,10				1 TB	19	
T T	Họ tên	Giảng dạy					Chủ nhiệm	Kiểm nhiệm	TS tiết	Dạy HĐTNHN hoặc GDDP
	Môn Sinh học (Công nghệ NN)	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Giáo dục địa phương				
1	Phan Quốc Anh		A9,10,11	A1,2,3			12 A1	3 TT CM	19	
2	Nguyễn Thị Hoa	A8,9,10,13 ,14		A5,6,12	2.8 6		10 A1 4	8.5 Phó BT Đ	23. 36	Dạy 100 tiết/năm HĐTNH N 10A14
3	Đỗ Thị Phương		A1,6,8	A4, 11 (CN: A5,6,7)	2.8 6		12 A4		23. 86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTNH N 12A4
4	Lê Thị Tươi	A11,12	A4,5 (CN: A1,2,3)					2 TB +T VT L	20	

T T	Họ tên	Giảng dạy					Chủ nhiệm	Kiểm nhiệm	TS tiết	Dạy HĐTN N hoặc GDĐP
	Môn Công nghệ	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Giáo dục địa phương				
1	Phạm Thị Thanh Nhân									Nghỉ thai sản
I V	Tổ Ngữ văn									
T T	Họ tên	Giảng dạy					Chủ nhiệm	Kiểm nhiệm	TS tiết	Dạy HĐTN HN hoặc GDĐP
		Khối 10	Khối 11	Khối 12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Giáo dục địa phương				
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	A8			1				3	Hiệu trưởng; HĐTN HN sáng thứ Hai
2	Đỗ Thị Dung		A6,9	A2,6		3		TTC M:3	20	Dạy GDĐP 12A3,4, 5;
3	Nguyễn Văn	A2,9		A3,8		1.		3	19.	Dạy

	Anh					57		CTC Đ	57	GDĐP 1.57 tiết/tuần
4	Nguyễn Thị Dương	A4,6,7		A1,4		2			20	Dạy GDĐP 12A1,2
5	Đào Trà Giang	A8 (2)		A5,10	2.86	0.94	10 A8		18.86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 10A8; Dạy GDĐP 0.94 tiết/tuần
6	Nguyễn Thị Bích Hương	A13	A2,4,11		2.86		11 A2		20.86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 11A2
7	Nguyễn Thị Thảo		A1,3,10,12		2.86		11 A1		20.86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 11A1
8	Lê Văn Lương	A12,14		A9,11	2.86		12 A9		20.86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 12A9
9	Đỗ Thị Thi	A10,11	A8		2.86		10 A10	15 Bí thư ĐTN	32.86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 10A10 (tạm thời)
10	Hà Ngọc Quỳnh Giao	A1,3,5		A7,12					20	

1 1	Phạm Thị Thùy Linh		A5,7			1. 88		1 TVT L	11. 38	+ Dạy GDĐP 1.88 tiết/tuần ; Dự kiến Phó BTĐ
V	Tổ Tiếng Anh									
T T	Họ tên	Giảng dạy					Chủ nhiệm	Kiểm nhiệm	TS tiết	Dạy HĐTN HN hoặc GDĐP
		Khối 10	Khối 11	Khối 12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Giáo dục địa phương				
1	Nguyễn Thị Thủy	A12		A5,8,11, 12		2		3 TTC M	20	GDĐP 12A6,A 7
2	Đỗ Thị Huệ	A4		A1,3,6	2. 86		12 A3		18. 86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 12A3
3	Lê Thị Hạnh			A2,4,7,1 0	2. 86		12 A7		18. 86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 12A7
4	Dương Thị Thanh	A11	A3,8,11		2. 86		11 A8		18. 86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 11A8

5	Nguyễn Thu Thủy	A2,7,8,9				5	10 A7	1 CĐ	22	GDDP 11A1,2, 3,4,5
6	Quản Thị Việt Hương		A2,6,9	A9	2. 86		11 A6		18. 86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 11A6
7	Đỗ Thị Thời	A1,10	A10,12					9.5 Phó BTĐ , TVT L	23	
8	Phạm Thu Hạ		A1,4,5,7		2. 86		11 A5		18. 86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 11A5
9	Phạm Thị Hồng Nhung									Nghỉ thai sản
1 0	Chu Thị Bích Hạnh	A3,5,6, A,14			2. 86		10 A6		18. 86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 10A6
1 1	Mai (GV hợp đồng)	A2,10,A1 3			5. 72				14. 72	+ Dạy 200 tiết/năm HĐTN HN 10A4,7
V I	Tổ Xã hội									
T T	Họ tên	Giảng dạy					Chủ nhiệm	Kiểm nhiệm	TS tiết	Dạy HĐTN HN hoặc GDDP

	Môn Lịch sử	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Giáo dục địa phương				
1	Đỗ Thị Cúc		A5,6,7,8,9,10,11,12			2		3 TTC M	21	Dạy GDĐP 12A8,1 1
2	Đinh Thị Thành	A9,10		A1,2,4,6,7,9,12		1. 7			20. 7	Dạy GDĐP1 0: 1.7 tiết/tuần
3	Ngô Thị Thanh Thủy	A3,4,5,6,7,8		A3,5,8,10,11		1. 7			19. 7	Dạy GDĐP1 0: 1.7 tiết/tuần
4	Nguyễn Thị Thu	A1,2,11,12,13,14	A1,2,3,5			2. 6			17. 6	Dạy GDĐP 2.6 tiết/tuần
	Họ tên	Giảng dạy				Chủ nhiệm	Kiêm nhiệm	TS tiết		Dạy HĐTNHN hoặc GDĐP
	Môn Địa lí	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp					
1	Nguyễn Đình	A3	A1,2,3	A5,7,8	2.		10	21.		+ Dạy

	Minh				86		A3		86	100 tiết/năm HĐTN HN 10A3
2	Trịnh Thị Hằng	A1,2,8,9,1 0		A6,9,10		2. 9			18. 9	Dạy GDĐP K10,11 2.9 tiết/tuần
T T	Họ tên	Giảng dạy					Chủ nhiệm	Kiểm nhiệm	TS tiết	Dạy HĐTN HN hoặc GDĐP
	Môn GDKT&PL	Khối 10	Khối 11	Khối 12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Giáo dục địa phương				
1	Đỗ Thị Phương Yên		A1,3	A7,11,12	2. 86	1	11 A3	1 CĐ	20. 86	+ Dạy 100 tiết/năm HĐTN HN 11A3; Dạy GDĐP 11A9
2	Nguyễn Thị Hà	A4,5,6,7,8 ,9,10	A2			3. 6			20. 6	Dạy GDĐP K10,11: 3.6 tiết/tuần

PHÂN CÔNG NHÓM DẠY GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG KHỐI 10

1. Tổ Ngữ văn

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Nhóm thực hiện
1	Chuyên đề 1. Văn học dân gian ở tỉnh Thái Bình	3 tiết Từ tiết 1 đến tiết 3	NHÓM VĂN TỪ TUẦN 1 -11 Văn Anh: 5 lớp Giang: 3 lớp Linh: 6 lớp
2	Chuyên đề 2. Sân khấu hoá một tác phẩm văn học của tỉnh Thái Bình	4 tiết Từ tiết 4 đến tiết 7	
3	Kiểm tra giữa kỳ	1 tiết (Tiết 8)	
4	Chủ đề 5. Di sản văn học ở Hưng Yên	3 tiết Tiết 9, 10, 11	

2. Tổ Xã hội và tổ Hóa - Sinh

Chủ đề	GV dạy	Lớp dạy/tiết dạy	Thời gian dạy
Tiết 12-14 Chủ đề 3. Hưng Yên trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc (3T) Tiết 15. Ôn tập cuối kì I (1T) Tiết 16 Kiểm tra cuối kì I (1T)	Thành	10A11,12,13,14	Tuần 12,13,14,15,16
	Thủy	10A7,8,9,10	Tuần 12,13,14,15,16
	Thu	10A1,2,3,4,5,6	Tuần 12,13,14,15,16
Tiết 17-19 Chuyên đề 4. Danh nhân Hưng Yên (Vùng Thái Bình cũ) (3T)	Thành	10A11,12,13,14	Tuần 17,18,19
	Thủy	10A7,8,9,10	Tuần 17,18,19
	Thu	10A1,2,3,4,5,6	Tuần 17,18,19
Tiết 20, 21, 22 Chủ đề 6. Một số vấn đề	Thành	10A11,12,13,14	Tuần 20,21,22

đề chính sách xã hội ở Hưng Yên (3T)	Thủy	10A7,8,9,10	Tuần 20,21,22
	Thu	10A1,2,3,4,5,6	Tuần 20,21,22
Tiết 23, 24, 25 Chủ đề 2. Phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Hưng Yên Tiết 26 Kiểm tra giữa kỳ II (1T)	Thành	10A11,12,13,14	Tuần 23,24,25,26
	Thủy	10A7,8,9,10	Tuần 23,24,25,26
	Thu	10A1,2,3,4,5,6	Tuần 23,24,25,26
Tiết 27-30 Chuyên đề 5. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Thái Bình (4T)	Hà	10A1,2,3,4,5, 6	Tuần 27,28,29,30
	Hằng	10A7,8,9,10,11, 12,13,14	Tuần 27,28,29,30
Tiết 31,32,33 Chuyên đề 8. Tìm hiểu hoạt động của một cơ sở sản xuất nông nghiệp ở địa phương. (3T) Tiết 34 Ôn tập cuối kỳ II Tiết 35 Kiểm tra cuối kỳ II	Nhàn,	10A1,2,3,4,5,6,7	Tuần 31,32,33,34,35
	Phương S	10A8,9,10,11,12,13,14	Tuần 31,32,33,34,35

1.3. Nội dung tổ chức sinh hoạt chuyên môn dựa trên NCBH

TT	Môn	Khối	Nội dung sinh hoạt chuyên môn	Thời gian	Người thực hiện
1	Tin	10	Bài 8: Mạng máy tính trong cuộc sống hiện đại.	Tuần 3-HK1	GV: Nguyễn Thị Duyên
		11	Bài 19(tiết 42): Thực hành tạo lập CSDL và các bảng(T1)	Tuần 22(HK2)	GV : Nguyễn Thị Lan
		12	Bài 9 (Tiết 20): Tạo danh sách, bảng.	Tuần 10 HKI	GV:Phùng Thị Nguyệt
2	Toán	10	Bài 21(Tiết 75):Đường	Tuần 28-HK II	GV: Trần Thị Thu

TT	Môn	Khối	Nội dung sinh hoạt chuyên môn	Thời gian	Người thực hiện
			tròn trong mặt phẳng tọa độ.		Hằng
		10	Bài 17 (Tiết 61): Dấu tam thức bậc hai	Tuần 16 -HKI	GV:Nguyễn Thị Châm
		10	Bài 27 (Tiết 96): Thực hành tính xác suất theo định nghĩa cổ điển	Tuần 27-HK II	GV: Phạm Thị Nhâm
		11	Bài 16(tiết 45): Giới hạn hàm số	Tuần 12 -HK II	GV: Tô Thị Thùy Linh
		12	Bài 4.(Tiết 17) Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị hàm số	Tuần 5-HK I	GV: Hoàng Thị Loan
3	Ngữ văn	10	Bài 3. Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận Tiết 27. VB 2: Yêu và đồng cảm (Trích – Phong Tử Khải)	Tuần 9 - HK1	Nguyễn Văn Anh
			Bài 8. Thế giới đa dạng của thông tin Tiết 85. VB 3: <i>Phục hồi tầng ozone: Thành công hiếm hoi của nỗ lực toàn</i>	Tuần 28 – HK2	Nguyễn Thị Dương
		11	Bài 2. Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình Tiết 15. Văn bản 2: Tràng giang (Huy Cận)	Tuần 5 - HK1	Nguyễn Thị Thảo
			Bài 7. Ghi chép và tưởng tượng trong kí Tiết 67. Văn bản 1: Ai đã đặt tên cho dòng sông? (Trích – Hoàng Phủ Ngọc Tường)	Tuần 23 - HK2	Nguyễn Thị Bích Hường
		12	Bài 1. Khả năng lớn lao của tiểu thuyết Tiết 4. Văn bản 2: <i>Mùa lá rụng trong vườn</i> (Trích –	Tuần 2 - HK1	Hà Ngọc Quỳnh Giao

TT	Môn	Khối	Nội dung sinh hoạt chuyên môn	Thời gian	Người thực hiện
			Ma Văn Kháng)		
			Bài 9. Văn hóa và cuộc đời Tiết 91. Văn bản 1: <i>Vội vàng</i> (Xuân Diệu)	Tuần 31 - HK2	Lê Văn Lương
4	Tiếng Anh	10	Tiết 59: Unit 6. Gender equality – Lesson 5: Listening	Tuần 20 - HK2	Dương Thị Thanh
			Tiết 41: Unit 5. Inventions – Lesson 4: Speaking	Tuần 14 – HK1	Chu Thị Bích Hạnh
		11	Tiết 11: Unit 2. The generation gap – Lesson 1: Language	Tuần 4 – HK 1	Phạm Thu Hạ
			Tiết 31: Unit 4. ASEAN and Vietnam- Lesson 3: Reading	Tuần 11 – HK 1	Quản Thị Việt Hương
		12	Tiết 18: Unit 3. Green living - Lesson 1: Getting started	Tuần 6 – HK 1	Lê Thị Hạnh
			Tiết 97: Unit 9. Career paths - Lesson 7: Communication & Culture	Tuần 30 – HK 2	Nguyễn Thị Thủy
5	GDTC	12	Bài 1: Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình (Tiết 4): - Ôn: + Bài tập 3: Phát bóng vào tường + Bài tập 4: Phát bóng tại vị trí cách lưới 3 m, 6 m và cuối sân - Học: + Bài tập 5: Phát bóng vào nửa cuối sân	Tháng 9 Tuần 3 - HKI	Lê Đức Thọ
		10	Bài 1: Chiến thuật tấn công đội hình 1 – 5 (Tiết 44): Ôn: + Bài tập 7: Chuyển hai di chuyển phối hợp tấn công từ vị trí số 1 Học: Bài tập 8: Chuyển hai	Tháng 1 Tuần 22 - HKII	Nguyễn Việt Kiên

TT	Môn	Khối	Nội dung sinh hoạt chuyên môn	Thời gian	Người thực hiện
			di chuyển phối hợp tấn công từ vị trí số 6		
6	QPAN	10	Bài 12. Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	Tháng 12 Tuần 12 - HKI	Chu Xuân Chinh
		11	Bài 8. Lợi dụng địa hình, địa vật	Tháng 4 Tuần 29 - HKI	Nguyễn Thế Kiên
7	Vật lý	10	Bài 8: Chuyển động thẳng biến đổi. Gia tốc	Tháng 10 Tuần 7 – HK1	Đỗ Minh Đức
			Bài 25: Động năng, thế năng	Tháng 2 Tuần 24 - HKI	Nguyễn Thị Ngát
8	Công nghệ	12	Bài 9. Thiết bị điện trong hệ thống điện gia đình	Tháng 11 Tuần 11 – HKI	Đoàn Bích Huyền
		10	Bài 15: Bản vẽ xây dựng	Tháng 3 Tuần 22 - HKII	Hoàng Thị Yến
9	Sinh học	12	Bài 3: Điều hoà biểu hiện gene	Tuần 3 – HKI	Đỗ Thị Phương
		11	Bài 8. Dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật	Tuần 10 – HKI	Nguyễn Thị Hoa
		11	Bài 13: Bài tiết và cân bằng nội môi	Tuần 15 – HKI	Phan Quốc Anh
		10	Bài 16. Chu kì tế bào và nguyên phân	Tuần 20 – HKII	Lê Thị Tươi (Sinh)
10	Hoá học	10	Bài 2. Cân bằng trong dung dịch nước	Tuần 3 – HKI	Hoàng Thị Thu Thủy
		12	Bài 6. Một số hợp chất của Nitrogen với oxygen	Tuần 7 – HKI	Trần Thị Ngân
		10	Bài 13. Vật liệu polymer	Tuần 11 – HKI	Đỗ Thị Thủy Chi
		12	Bài 22. Sự ăn mòn kim loại	Tuần 23 – HKII	Hoàng Văn Hùng
11	Công nghệ NN	10	Bài 25: Công nghệ trồng cây không dùng đất (STEM trồng rau bằng phương pháp thủy canh)	Tuần 30 – HKII	Phạm Thị Thanh Nhân
12	Lịch sử	10	Bài 3. Vai trò của Sử học	Tuần 4 – HK I	Nguyễn Thị Thu

TT	Môn	Khối	Nội dung sinh hoạt chuyên môn	Thời gian	Người thực hiện
		11	Bài 6. Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á (T20-21)	Tuần 11, HK I	Nguyễn Thị Thu
		11	Bài 8. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX) (T30-33)	Tuần 15, HK I	Đỗ Thị Cúc
13	Địa lý	10	Bài 33. Cơ cấu, vai trò, đã điểm các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ.	Tuần 30, HK II	Trịnh Thị Hằng
		11	Bài 20. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, dân cư và xã hội LB Nga	Tuần 21 – HK II	Nguyễn Đình Minh
13	GD KT&PL	10	Bài 5: Ngân sách nhà nước (T13-14)	Tuần 7 – HK I	Nguyễn Thị Hà
		11	Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh (T19-24)	Tuần 12- HK I	Đỗ Thị Phương Yến

1.4. Nội dung dạy học STEM

Môn	Khối	Thời lượng	Nội dung STEM	Bài dạy - Chủ đề tích hợp	Người thực hiện
Toán	10	2 tiết	Thiết kế dụng cụ vẽ Elip và thiết kế bình hoa	Elip và đường tròn	Phạm Thị Nhâm
	11	1 tiết	Thiết kế mô hình hệ đồ dùng học tập / Giá sách nhiều tầng đa năng	Quan hệ song song/ Hai mặt phẳng song song	Nguyễn Thị Loan

	12	1 tiết	Ứng dụng mặt cầu trong thực tiễn	Chương 5: Phương pháp tọa độ trong không gian	Trương Thị Bích Hải
Tin	10	1 tiết	Thiết kế mô hình mã hóa thông tin bằng dây đèn LED	Bài 4: Hệ nhị phân và dữ liệu số nguyên - Chủ đề 1: Máy tính và xã hội tri thức	Phùng Thị Nguyệt
	11	1 tiết	Xây dựng mô hình quản lí thư viện lớp học	Bài 17–24. Thực hành tạo và khai thác cơ sở dữ liệu – Chủ đề 6	Nguyễn Thị Duyên
	12	1 tiết	Thiết kế mô hình mạng máy tính cho phòng học	Bài 3–5. Thiết bị mạng và chia sẻ tài nguyên – Chủ đề 2: Mạng máy tính và Internet	Phạm Thị Nhan
Sinh	10	2 tiết	Mô hình tế bào nhân thực	Bài 8: Tế bào nhân thực	Lê Thị Tươi
Sinh	11	1 tiết	Mô hình Hướng động của cây	Chủ đề 5: Cảm ứng ở thực vật	Phan Quốc Anh
CNNN	10	2 tiết	Mô hình trồng cây thủy canh	Bài 19. Quy trình trồng trọt và cơ giới hóa trong trồng trọt.	Phạm Thị Thanh Nhân
Hóa	12	2 tiết	Chế tạo xà phòng và nước rửa chén sinh học (Eco-enzyme)	Bài 2. Xà phòng và chất giặt rửa	Hoàng Văn Hùng
Hóa	11	2 tiết	Sản xuất tinh dầu tự nhiên (Sả, chanh, bưởi) bằng phương pháp chưng cất	Bài 11. Phương pháp tách biệt và tinh chế hợp chất hữu cơ	Trần Thị Ngân
Sinh	10	2 tiết	Mô hình tế bào nhân thực	Bài 8: Tế bào nhân thực	Lê Thị Tươi
Vật lý	11	1 tiết	Mô hình sóng điện từ	Ứng dụng hiện tượng cảm ứng điện từ - VL 12	Đào Thị Hạt
	10	1 tiết	Máy phát điện xoay chiều	Dòng điện xoay chiều – VL12	Đỗ Thị Thiết

	11	1 tiết	Mô hình tên lửa nước	DLBT động lượng – VL10	Đỗ Minh Đức
	12	1 tiết	Mô hình thủy điện	Động năng – Thế năng – VL10	Nguyễn Thị Giang
CNCN	10	3 tiết	Thiết kế giá sách	Bản vẽ thiết kế	Đoàn Bích Huyền
	12	3 tiết	Hệ thống điều khiển mạch điện gia đình bằng smarst phone	Mạch điều khiển tự động	Hoàng Thị Yến
T.Anh	10	1	Making a poster and giving a presentation about protecting the environment	Unit 9. Protecting the environment	Dương Thị Thanh
	11	1	Giving a presentation about global warming	Unit 5. Global warming	Quản Thị Việt Hương
	12	1	Making a poster and giving a presentation about Artificial Intelligent	Unit 6. Artificial Intelligent	Đỗ Thị Huệ

2. Các nội dung lồng ghép, tích hợp trong tổ chức hoạt động giáo dục

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện văn hóa học đường gắn với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục trong đó chú trọng tích hợp nội dung giáo dục quyền con người; tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và đạo đức liêm chính; tích hợp giáo dục STEM/STEAM vào các môn học và hoạt động giáo dục, khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trong nhà trường; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyển đổi số và các nội dung giáo dục lồng ghép khác; hướng dẫn học sinh học tập nội dung giáo dục kiến thức pháp luật về An toàn giao thông đường bộ trên trang Bình dân học vụ số.

Năm học 2026-2027 toàn trường tiếp tục tổ chức thực hiện tích hợp các môn học như sau:

Môn Vật lí

TT	Bài	Nội dung tích hợp	Ghi chú
VẬT LÝ 10			
	Bài 16. Định luật 3 Newton	Giáo dục phòng tránh tai nạn giao thông	

	Bài 25: Động năng, thế năng	Giáo dục tiết kiệm năng lượng	
	Bài 29. Định luật bảo toàn động lượng	Giáo dục phòng tránh tai nạn giao thông	
	Bài 32. Lực hướng tâm và gia tốc hướng tâm	Giáo dục phòng tránh tai nạn giao thông	
	Bài 33. Biến dạng của vật rắn	Giáo dục phòng tránh tai nạn trong lao động sản xuất	
VẬT LÝ 11			
	Bài 24. Nguồn điện	Giáo dục tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường	
	Bài 25. Năng lượng điện và công suất điện	Giáo dục tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường	
VẬT LÝ 12			
	Bài 1. Cấu trúc của chất. Sự chuyển thể	Giáo dục bảo vệ môi trường	
	Bài 23. Hiện tượng phóng xạ	Giáo dục tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường	
	Bài 24. Công nghiệp hạt nhân	Giáo dục tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường	

Môn GDTC, QPAN

STT	Lớp	Bài	Nội dung tích hợp	Ghi chú
1	10,11,12	Điều khiển xe đạp an toàn	SHDC: Biết cách điều khiển xe đạp, xe đạp điện an toàn khi tham gia giao thông.	
2	10,11,12	Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông	Tìm hiểu một số lệnh của người điều khiển giao thông. Chia sẻ và nhắc nhở mọi người cùng cùng thực hiện.	
3	10,11,12	Hậu quả của tai nạn giao thông	Tìm hiểu những hành vi không an toàn khi tham gia giao thông. Thảo luận và chỉ ra những việc cần làm để phòng tránh tai nạn giao thông.	
4	10,11,12	Dự đoán để phòng tránh tai nạn giao thông đường bộ	Hình thành khả năng quan sát dự đoán các tình huống có thể xảy ra tai nạn giao thông. Thảo luận - chia sẻ với mọi người cách	

			phòng tránh tai nạn giao thông.	
5	10,11,12	An toàn giao thông đường thủy	Nhận biết và phòng tránh những hành vi không	
6	10,11,12	Phòng tránh tai nạn đuối nước	Thực hiện an toàn khi tham gia giao thông đường thủy. Nhắc nhở mọi người tham gia giao thông đường thủy an toàn.	

Môn Công nghệ

TT	Bài dạy	Nội dung tích hợp, lồng ghép các hoạt động giáo dục	Ghi chú
CÔNG NGHỆ 10			
	Bài 1. Công nghệ và đời sống	Giáo dục hướng nghiệp; giáo dục bảo vệ môi trường.	
	Bài 3. Công nghệ phổ biến	Giáo dục hướng nghiệp; giáo dục bảo vệ môi trường; an toàn lao động.	
	Bài 4. Công nghệ mới.	Giáo dục hướng nghiệp; giáo dục bảo vệ môi trường; an toàn lao động; tiết kiệm nhiên liệu.	
	Bài 6. Cách mạng công nghiệp	Lịch sử thế giới trong các giai đoạn diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp.	
	Bài 7. Ngành nghề kỹ thuật công nghệ	Giáo dục hướng nghiệp; an toàn lao động trong các ngành nghề.	
	Chương III. Thiết kế kỹ thuật.	Giáo dục hướng nghiệp và bảo vệ môi trường. Giáo dục đạo đức trong kinh doanh.	
CÔNG NGHỆ 11			
	Bài 2. Ngành nghề trong lĩnh vực cơ khí chế tạo.	Giáo dục hướng nghiệp; giáo dục bảo vệ môi trường; an toàn lao động; tiết kiệm nhiên liệu.	
	Bài 4, 5, 6. Các vật liệu kim loại, phi kim và vật liệu mới	Giáo dục bảo vệ môi trường; an toàn lao động; tiết kiệm nhiên liệu.	
	Chương III. Các phương pháp gia công cơ khí.	Giáo dục ý thức trách nhiệm. Giáo dục hướng nghiệp; giáo dục bảo vệ môi trường; an toàn lao động; tiết kiệm nhiên liệu.	
	Chương IV. Sản xuất cơ khí.	Giáo dục ý thức trách nhiệm. Giáo dục hướng nghiệp; giáo dục bảo vệ môi trường; an toàn lao động; tiết kiệm nhiên liệu.	

	Bài 16. Ngành nghề trong lĩnh vực cơ khí động lực	Giáo dục hướng nghiệp; giáo dục bảo vệ môi trường; tiết kiệm nhiên liệu; an toàn lao động.	
	Bài 18. Nguyên lí làm việc của ĐCĐT	Giáo dục ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường; tiết kiệm nhiên liệu.	
	Bài 25. Hệ thống phanh và an toàn khi tham gia giao thông.	Giáo dục ý thức tuân thủ luật lệ giao thông; an toàn trong tham gia giao thông và bảo vệ môi trường.	
CÔNG NGHỆ 12			
	Bài 9: Thiết bị điện trong hệ thống điện gia đình	Tiết kiệm năng lượng: cách sử dụng hiệu quả và bảo dưỡng đồ dùng điện như tủ lạnh, máy giặt, máy điều hòa để giảm tiêu thụ điện. Giáo dục môi trường: Hướng dẫn lựa chọn đồ dùng có nhãn năng lượng, cách xử lý đồ điện tử cũ, nguy cơ ô nhiễm do rác thải điện tử	
	Bài 17: Thực hành mạch phát hiện dòng điện xoay chiều trong dây dẫn	Tiết kiệm năng lượng: Lồng ghép các bài học về việc thiết kế các mạch điện tử sử dụng ít năng lượng hơn, hiệu quả hơn. Giáo dục môi trường: Tìm hiểu về các linh kiện điện tử thân thiện với môi trường và ảnh hưởng của các thiết bị điện tử đến môi trường.	
.	Bài 20. Thực hành mạch khuếch đại đảo.	Giáo dục hướng nghiệp; giáo dục bảo vệ môi trường; tiết kiệm nhiên liệu; an toàn lao động.	
.	Bài 23. Thực hành: lắp ráp, kiểm tra mạch báo cháy.	Giáo dục hướng nghiệp; giáo dục bảo vệ môi trường; tiết kiệm nhiên liệu; an toàn lao động.	
	Bài 26. Thực hành: lắp ráp, kiểm tra mạch tự động điều chỉnh cường độ sáng theo môi trường	Giáo dục hướng nghiệp; giáo dục bảo vệ môi trường; tiết kiệm nhiên liệu; an toàn lao động.	

Môn Sinh học

TT	Tên bài	Nội dung tích hợp	Ghi chú
SINH HỌC 10			
1	Bài 1. Giới thiệu khái quát môn Sinh học	Giới thiệu về công nghệ vi sinh trong giải quyết vấn nạn ô nhiễm phóng xạ, giảm khí thải CO ₂ , giảm ô nhiễm kim loại nặng...	
2	Bài 4. Các nguyên tố hóa học và nước	Cung cấp dinh dưỡng khoáng cho cây với lượng vừa đủ theo nhu cầu hạn chế dư lượng trong nông sản gây ô nhiễm môi trường, đề xuất 1 số giải pháp bảo vệ môi trường nước...	
3	Bài 7. Tế bào nhân sơ	Ứng dụng công nghệ vi sinh trong bảo vệ môi trường đất, nước, không khí...	
4	Bài 13. Khái quát chuyển hóa vật chất và năng lượng	Xây dựng môi trường thuận lợi nhất cho sự phát triển của các chủng VSV tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường.	
5	Bài 14. Phân giải và tổng hợp các chất trong tế bào	Ứng dụng quá trình tổng hợp và phân giải các chất của VSV để bảo vệ môi trường thông qua quá trình quang hợp ở cây xanh, phân giải xác động vật, thực vật...	
6	Bài 22. Vai trò và ứng dụng của vi sinh vật	Ứng dụng VSV trong xử lý chất thải như dầu trên mặt nước, chất thải chăn nuôi, xử lý nước thải công nghiệp trước khi xả ra môi trường...	

TT	Lớp	Bài	Nội dung tích hợp	Ghi chú
SINH HỌC 11				
	11	Chủ đề 2: Quang hợp ở thực vật	- Liên hệ với vai trò của thực vật trong việc hấp thụ CO ₂ , giảm hiệu ứng nhà kính và sản xuất oxy, từ đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng và cây xanh.	

	11	Chủ đề 3: Hô hấp ở thực vật	Phân tích sự gia tăng khí CO ₂ từ các hoạt động công nghiệp, giao thông, và tác động của nó đến biến đổi khí hậu.	
--	----	--------------------------------	--	--

STT	Tên bài	Nội dung tích hợp	Ghi chú
SINH HỌC 12			
1	Bài 23: Môi trường và các nhân tố sinh thái	Hiện trạng môi trường sống đang bị ô nhiễm như thế nào? → Cần phải có ý thức bảo vệ môi trường.	
2	Bài 24: Sinh thái học quần thể	Dựa vào sự tăng trưởng quần thể → Quyết định khai thác như thế nào → vẫn bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng	
3	Bài 26: Quần xã sinh vật	Giữa các quần thể trong quần xã có mối quan hệ chặt chẽ về dinh dưỡng → Bố trí nuôi trồng trong quần xã như thế nào để có thể tiết kiệm được năng lượng → đạt được năng suất sinh học cao	
4	Bài 28: Hệ sinh thái	Hướng xây dựng hệ sinh thái vườn ao chuồng → Bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng	
5	Bài 29: Trao đổi vật chất và chuyển hoá năng lượng trong hệ sinh thái	Hướng xây dựng hệ sinh thái vườn ao chuồng → bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng	
6	Bài 30: Diễn thế sinh thái	Dựa vào diễn thế sinh thái → thời gian khai thác ở các quần thể sinh vật → vẫn bảo vệ môi trường	
7	Bài 31: Sinh quyển, khu sinh học và chu trình sinh – địa – hoá	Tích hợp phần tuần hoàn các chất lắng đọng trong hệ sinh thái nông nghiệp → bảo vệ môi trường	
8	Bài 33: Sinh thái học phục hồi và bảo tồn đa dạng sinh vật	Bảo tồn đa dạng sinh học	

Lớp	Tên bài	Địa chỉ tích hợp	Nội dung tích hợp	Ghi chú
GDKT&PL (TÍCH HỢP QUYỀN CON NGƯỜI)				
12	Chủ đề 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế Chủ đề 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế. Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế	Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: <i>Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau:</i> Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. - Cách thức thực hiện: Căn cứ vào nội dung quyền con người về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo viên yêu cầu học sinh lấy các ví dụ về những việc làm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế qua đó đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.	
12	Chủ đề 3: Bảo hiểm và an sinh xã hội	3: Bảo hiểm và an sinh xã hội. Bài 4: An sinh xã hội	Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: <i>Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt:</i> Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của bảo hiểm. - Cách thức thực hiện: Giáo viên hướng học sinh hiểu được ý nghĩa của bảo hiểm xã hội trong việc thực hiện các quyền con người như: quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như: quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền của dân tộc thiểu số; quyền của người tị nạn... Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: <i>Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt:</i> Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của an sinh xã hội. - Cách thức thực hiện: Giáo viên hướng học sinh hiểu được ý nghĩa của an sinh xã hội trong việc thực hiện các quyền con người như: Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập.;	
12	Chủ đề 5: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Bài 6: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: <i>Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt:</i> Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp. - Cách thức thực hiện: Căn cứ nội dung quyền con người như quyền được bảo vệ chăm sóc sức khỏe, quyền bất khả xâm phạm về thân thể...giáo viên lấy các ví dụ để giúp học sinh hiểu được việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp chính là thực hiện quyền con người.	

Lớp	Tên bài	Địa chỉ tích hợp	Nội dung tích hợp	Ghi chú
11	Chủ đề 7: Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế	Bài 9: Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và tôn trọng tài sản của người khác	Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: - <i>Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt sau:</i> Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh, nộp thuế, sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác. - Cách thức thực hiện: Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người sau: Quyền có chỗ ở và quyền sở hữu nhà ở; quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, quyền thừa kế; quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định để lấy các ví dụ làm nổi bật các quyền con người này đồng thời giúp học sinh biết tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác. Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.	
12	Chủ đề 8: Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, xã hội	Bài 11: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội	Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt: Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong học tập. - Cách thức thực hiện: Giáo viên căn cứ nội dung các quyền con người như: Quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật để lấy các ví dụ về quyền học tập gắn liền với quyền con người. Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: - <i>Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt:</i> Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; đảm bảo an sinh xã hội; bảo vệ di sản văn hóa. Cách thức thực hiện: Giáo viên căn cứ nội dung quyền con người như: Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền trẻ em để lấy các ví dụ làm rõ các quyền này từ đó giúp học sinh có ý thức tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác. Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc	

Lớp	Tên bài	Địa chỉ tích hợp	Nội dung tích hợp	Ghi chú
			thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.	
12	Chủ đề 9: Một số vấn đề cơ bản của luật quốc tế	Bài 14: Một số vấn đề chung về pháp luật quốc tế	Tích hợp quyền con người - Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận với yêu cầu cần đạt sau: Nêu được khái niệm, vai trò, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia. - Cách thức thực hiện: Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người như: Quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật để giúp học sinh hiểu được việc tìm hiểu thực hiện các nội dung của luật pháp quốc tế cũng chính là góp phần thực hiện các quyền con người cơ bản.	

Lớp	Tên bài	Địa chỉ tích hợp	Nội dung tích hợp	Ghi chú
TÍCH HỢP GIÁO DỤC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (GDKT&PL)				
10	Bài 4: Cơ chế thị trường	Mục 1.c. Nhược điểm của cơ chế thị trường.	Gợi ý: Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường. HS nhận biết được từ những nhược điểm của cơ chế thị trường đã xuất hiện không ít người có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì vụ lợi, từ đó đã gây suy thoái môi trường tự nhiên và xã hội.	
10	Bài 13: Thực hiện pháp luật	Mục 2. Các hình thức thực hiện pháp luật.	Gợi ý: HS có thái độ phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về tham nhũng (chủ thể là những người có chức vụ, quyền hạn không thực hiện pháp luật).	
11	Bài 9: Quyền bình đẳng của công dân trước PL	Mục 1: Một số quy định cơ bản của PL về quyền bình đẳng của CD trước PL. a) CD bình đẳng	Gợi ý: - Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, không ai được lợi dụng chức vụ quyền hạn để thực hiện hành vi trục lợi, tham nhũng. - Người có hành vi tham nhũng là người vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tập thể và cá nhân. - Người có hành vi tham nhũng phải chịu trách nhiệm hành chính, trách nhiệm kỉ luật hoặc hình sự theo quy định của pháp luật.	

Lớp	Tên bài	Địa chỉ tích hợp	Nội dung tích hợp	Ghi chú
		về quyền và nghĩa vụ. b) CD bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.		
11	Bài 15: Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo.	Mục 1b). Quyền của công dân về tố cáo. 1c) Nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo.	- Công dân có quyền tố cáo về mọi hành vi tham nhũng xâm phạm tài sản của Nhà nước và công dân. - Phân biệt việc tố cáo hành vi tham nhũng với việc tố cáo các hành vi khác. - Tích cực đấu tranh, tố cáo hành vi tham nhũng.	
12	Bài 2: Thực hiện pháp luật	Tích hợp vào mục 2 “Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý”	- Người có hành vi tham nhũng là người vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tập thể và cá nhân. - Người có hành vi tham nhũng phải chịu trách nhiệm hành chính, trách nhiệm kỉ luật hoặc hình sự theo quy định của pháp luật. - Phân biệt hành vi vi phạm pháp luật do tham nhũng với các hành vi vi phạm pháp luật khác. - Phân biệt trách nhiệm pháp lý đối với vi phạm pháp luật do tham nhũng với các loại trách nhiệm pháp lý khác. Đồng tình với việc xử lí vi phạm đối với người có hành vi tham nhũng.	

Môn Ngữ văn

Môn học	Nội dung tích hợp, lồng ghép các hoạt động giáo dục	Ghi chú
Ngữ văn	- Giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc và tình yêu quê hương đất nước: + Lớp 10: Bài 1. Sức hấp dẫn của truyện kể (Văn bản 5. Chữ người tử tù – Nguyễn Tuân) + Lớp 10: Bài 2. Về đẹp của thơ ca (Văn bản 5. Mùa xuân chín – Hàn Mặc Tử) + Lớp 10: Bài 3. Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận (Văn bản 1. Hiền tài là nguyên khí quốc gia – Thân Nhân)	

Môn học	Nội dung tích hợp, lồng ghép các hoạt động giáo dục	Ghi chú
	Trung) + Lớp 10: Bài 6. Nguyễn Trãi – “Dành còn để trợ dân này” + Lớp 11: Bài 2: Cấu tứ và hình ảnh trong thơ (Văn bản 1: Nhớ đồng – Tố Hữu; Văn bản 2: Tràng giang – Huy Cận) + Lớp 11: Bài 3. Cấu trúc của văn bản nghị luận (Văn bản 1. Chiều cầu hiền – Ngô Thi Nhậm) + Lớp 11: Bài 6. Nguyễn Du – “Những điều trông thấy mà đau đớn lòng” + Lớp 11: Bài 7. Ghi chép và tưởng tượng trong kí (Văn bản 1: Ai đã đặt tên cho dòng sông? _ Hoàng Phủ Ngọc Tường, Văn bản 3: Cà Mau quê xứ - Trần Tuấn) + Lớp 12. Bài 1: Khả năng lớn lao của tiểu thuyết (Văn bản 2: Mùa lá rụng trong vườn – Ma Văn Kháng) + Lớp 12. Bài 2. Những thế giới thơ (Văn bản 1. Cảm hoài – Đặng Dung; Văn bản 2 – Tây Tiến -Quang Dũng) + Lớp 12. Bài 3. Lập luận trong văn bản nghị luận (Văn bản 1. Nhìn về vốn văn hóa dân tộc – Trần Đình Hượu) + Lớp 12. Bài 6. Hồ Chí Minh – “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi” + Lớp 12. Bài 8. Dữ liệu trong văn bản thông tin (Văn bản 2. Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục – Nguyễn Nam) - Giáo dục đạo đức, lối sống, kĩ năng, lựa chọn, định hướng tương lai cho học sinh. + Lớp 10. Bài 9. Hành trang cuộc sống + Lớp 11. Bài 9. Lựa chọn và hành động + Lớp 12. Bài 7. Sự thật trong tác phẩm kí (Văn bản 2. Bước vào đời – Đào Duy Anh) + Lớp 12. Bài 9. Văn học và cuộc đời	
Tiếng Anh	Giáo dục môi trường (Unit 9. Protecting the environment, Anh 10 & Unit 3. Green living, Anh 12), tiết kiệm năng lượng (Unit 3. Green living, Anh 12), biến đổi khí hậu (Unit 5. Global warming , Anh 11).	Tiếng Anh

Môn Tin học

TT	Lớp	Tên bài	Mục nội dung tích hợp	Nội dung GD tích hợp	Ghi chú
1		Bài 9. An toàn trên không gian mạng	1. Một số nguy cơ trên mạng	Học sinh sẽ nhận diện được một số nguy cơ khi tham gia không gian mạng như: - Tin giả và tin phản văn hoá. - Lừa đảo trên mạng. - Lộ thông tin cá nhân. - Bắt nạt trên không gian mạng. - Nghiện mạng.	
			2. Phần mềm độc hại	Nhận diện được phần mềm độc hại; Virus; Worm máy tính,...	
2	10	Bài 11. Ứng xử trên môi trường số; nghĩa vụ tôn trọng bản quyền	1. Những vấn đề đạo đức, pháp luật và văn hoá khi sử dụng mạng:	Học sinh tham gia môi trường mạng có văn hoá, không: - Đưa tin không phù hợp lên mạng. - Công bố thông tin cá nhân không được phép. - Phát tán thư điện tử, tin nhắn rác. -Vi phạm bản quyền. - Bắt nạt qua mạng. - Ứng xử thiếu văn hoá.	
			2. Một số quy định pháp lí đối với người dùng trên mạng.	Khi đưa thông tin lên mạng, hãy xem xét nội dung các tin bài có vi phạm các quy định của pháp luật hay không. Đừng quên rằng, việc chia sẻ một tin vi phạm luật cũng là vi phạm luật. - Ngay khi tin đưa không phạm luật, vẫn phải tính đến các hậu quả của nó khi nó vi phạm những chuẩn mực đạo đức.	

TT	Lớp	Tên bài	Mục nội dung tích hợp	Nội dung GD tích hợp	Ghi chú
			3. Quyền tác giả và bản quyền.	Quyền tác giả: Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu. Vi phạm bản quyền đối với các sản phẩm tin học: Phần mềm và dữ liệu số đặc biệt dễ bị xâm phạm bản quyền do dễ sao chép, phát tán; Việc vi phạm bản quyền là hành vi phạm pháp, là tổn hại đến việc kinh doanh của các chủ sở hữu, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của những ngành tạo ra sản phẩm trí tuệ, trong đó có tin học. Tôn trọng bản quyền trong tin học: Khi đưa thông tin lên mạng, hãy xem xét nội dung các tin bài có vi phạm các quy định của pháp luật hay không. Đừng quên rằng, việc chia sẻ một tin vi phạm luật cũng là vi phạm luật; Ngay khi tin đưa không phạm luật, vẫn phải tính đến các hậu quả của nó khi nó vi phạm những chuẩn mực đạo đức.	
3	11	Bài 9. Giao tiếp an toàn trên mạng	1. Nhận biết và phòng tránh một số dạng lừa đảo trên không gian số	Cần tỉnh táo, bình tĩnh tuân thủ ba nguyên tắc để nhận biết và phòng tránh lừa đảo trong không gian số: - Hãy chậm lại! - Kiểm tra ngay! - Dừng lại, không gửi!	
			2. Giao tiếp và ứng xử trong môi trường số	Cần tuân thủ các quy tắc ứng xử trong môi trường số như: 1) tôn trọng, tuân thủ pháp luật; 2) lành mạnh; 3) an toàn, bảo mật thông tin; 4) trách nhiệm	
4	12	Bài 6. Giao tiếp và ứng xử trong không gian mạng	1. giao tiếp trong không gian mạng	Học sinh phân biệt được giao tiếp trong không gian mạng với giao tiếp thông thường.	
			2. thể hiện tính nhân văn trong không gian mạng	Nhận biết một số tình huống ứng xử trong không gian mạng	

Môn Toán học

STT	Lớp	Bài	Nội dung tích hợp	Ghi chú (liên môn)
1	10	Ứng dụng Thống kê & Xác suất trong An toàn Giao thông	SHDC/HĐTN - Thu thập, phân tích bảng số liệu về các vụ tai nạn giao thông theo độ tuổi và phương tiện. - Tính xác suất xảy ra rủi ro khi không tuân thủ hiệu lệnh và luật giao thông đường bộ.	Toán - GD QPCN - HĐTN
2	10	Dự đoán & Phòng tránh Rủi ro do Thiên tai	Hình thành khả năng quan sát, đọc bảng số liệu thời tiết, lượng mưa để dự đoán nguy cơ lũ lụt, sạt lở đất.	Toán - Vật lý - Địa lý
3	11	Toán học với Quản lý Tài chính cá nhân	SHDC/HĐTN: Sử dụng công thức cấp số nhân, hàm số mũ để tính lãi suất gửi tiết kiệm, vay vốn ngân hàng và lập kế hoạch chi tiêu cá nhân hợp lý. - Chia sẻ và thực hành quản lý ngân sách cá nhân hiệu quả.	Toán - Kinh tế & Pháp luật
4	11	Hình học không gian & Thiết kế kỹ thuật (STEM)	Vận dụng kiến thức hình học không gian, diện tích, thể tích để thiết kế các mô hình sản phẩm tái chế, bao bì tối ưu nguyên liệu.	Toán - Công nghệ - Mỹ thuật
5	12	Mô hình hóa Toán học trong Bảo vệ Môi trường	SHDC: - Tìm hiểu và sử dụng biểu đồ, hàm số để dự đoán lượng rác thải nhựa và tốc độ biến đổi khí hậu. - Thảo luận, đề xuất các giải pháp giảm thiểu rác thải dựa trên số liệu phân tích toán học..	Toán - Địa lý - Sinh học
6	12	Đo lường & Tối ưu hóa trong Phòng tránh Tai nạn Đuối nước	Tính toán vận tốc dòng chảy, độ sâu an toàn và khoảng cách an toàn khi tham gia các hoạt động đường thủy. Nhắc nhở mọi người tham gia giao thông đường thủy và các hoạt động dưới nước an toàn.	Toán - Thể dục - HĐTN

Môn Địa lý tổ chức dạy học tích hợp

* Nội dung và mức độ tích hợp giáo dục phòng chống thiên tai trong môn Địa lý

Lớp	Chủ đề/ Chuyên đề	Địa chỉ tích hợp	Nội dung có thể tích hợp	Mức độ tích hợp
10	Trái Đất	Bài 6, mục 2: Thuyết kiến tạo	Các mảng kiến tạo hoạt động sinh ra động đất, núi lửa, sóng thần	Liên hệ

		mảng		
	Thạch quyển	Bài 7: Nội lực và ngoại lực	- Uốn nếp gây sạt lở đất, lũ quét - Đứt gãy gây động đất, sụt lún đất - Phong hoá gây sạt lở đất, sụt lún đất	Liên hệ
		Bài 8: Sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa	Các mảng thạch quyển dịch chuyển sinh ra động đất, núi lửa, sóng thần	Liên hệ
	Khí quyển	Bài 9, mục 2: Nhiệt độ không khí	Nhiệt độ biến động gây nắng nóng, rét hại	Liên hệ
		Bài 9, mục 3: Khí áp và gió	Khí áp và gió hoạt động cực đoan gây ra bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh, lốc	Liên hệ
		Bài 9, mục 4: Mưa	Mưa cực đoan gây ra mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất	Liên hệ
	Thủy quyển	Bài 11, mục 2: Nước trên lục địa	- Nước sông, nước băng tuyết biến động gây lũ, lũ quét, ngập lụt, hạn hán - Khai thác nước ngầm gây sụt lún đất	Liên hệ
		Bài 12: Nước biển và đại dương	Sóng, thủy triều và dòng biển gây sạt lở đất, ngập lụt	Liên hệ
	Địa lí các ngành kinh tế	Bài 25, mục 1: Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Khai thác rừng gây ra lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán	Liên hệ
		Bài 29, mục 1, 2: Công nghiệp	- Công nghiệp khai thác than, dầu khí, quặng kim loại gây sạt lở đất, sụt lún đất - Xây hồ thủy điện gây ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất	Liên hệ
11	Khu vực Mỹ Latinh	Bài 6, mục I: Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	- Vị trí địa lí nằm trong vành đai lửa Thái Bình Dương chịu ảnh hưởng nhiều của động đất, núi lửa, sóng thần - Khí hậu gây ra bão, lũ; sông gây ra lũ	Liên hệ
	Khu vực Đông Nam Á	Bài 11, mục I, II.2: Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	- Vị trí địa lí nằm ở khu vực có nhiều thiên tai: động đất, núi lửa, sóng thần, bão, sạt lở đất - Khí hậu gây ra bão, lũ, hạn hán; sông gây ra lũ	Liên hệ

	Khu vực Tây Nam Á	Bài 15, mục II.2: Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	Khí hậu gây nắng nóng và hạn hán	Liên hệ
	Hợp chúng quốc Hoa Kỳ	Bài 18, mục I: Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	Vị trí địa lí nằm trong khu vực có các thiên tai: bão, động đất	Liên hệ
	Nhật Bản	Bài 23, mục I, II.2: Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	- Vị trí địa lí nằm trong vành đai lửa Thái Bình Dương thường xuyên xảy ra động đất, núi lửa, sóng thần Khí hậu thường gây ra bão	Liên hệ
	Trung Quốc	Bài 26, mục I: Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	Vị trí địa lí nằm trong khu vực có nhiều thiên tai: bão, lũ, hạn hán	Liên hệ
2	Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	Bài 1, mục II.1: Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	- Vị trí địa lí nằm trong khu vực có nhiều thiên tai: bão, áp thấp nhiệt đới, lũ... - Vị trí địa lí ảnh hưởng đến tự nhiên	Liên hệ
	Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống	Bài 2, mục I.2: Biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	Địa hình tại các sườn núi dốc thường xảy ra lũ quét	Liên hệ
		Bài 2, mục II: Ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống	Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa gây nhiều thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, ngập lụt,...	Liên hệ
	Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng	Bài 25, mục II: Các thế mạnh để phát triển kinh tế	Hạn chế của vùng là chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai: bão, lũ, ngập lụt, nắng nóng	Liên hệ
	Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ	Bài 27, mục II.1: Thế mạnh, hạn chế để hình thành và phát triển cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Hạn chế của vùng là chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai: bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đất	Liên hệ
	Phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Bài 28, mục II: Thế mạnh, hạn chế và việc phát triển các ngành kinh tế của vùng	Hạn chế của vùng là chịu ảnh hưởng của bão, hạn hán	Liên hệ
	Chuyên đề 1:	Mục I. Những vấn	Quan niệm, đặc điểm, nguyên	Toàn

	Thiên tai và biện pháp phòng chống	đề chung	nhân, phân loại thiên tai	phần
		Mục II: Một số thiên tai, nguyên nhân, hậu quả, biện pháp phòng chống	- Trình bày một số thiên tai (bão, lũ, hạn hán...); phân tích nguyên nhân, hậu quả của mỗi loại và các biện pháp phòng chống - Liên hệ, tìm hiểu về một thiên tai cụ thể tại địa phương (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp) - Thu thập tranh ảnh, số liệu, video clip,... để trưng bày một số chủ đề về thiên tai ở nước ta - Viết đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng về thiên tai và các biện pháp phòng chống	Toàn phần

*** Nội dung và mức độ tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường trong môn Địa lí**

Lớp	Chuyên đề	Địa chỉ tích hợp	Nội dung có thể tích hợp	Mức độ tích hợp
0	Thủy quyền	Bài 11, mục 2. d, e: Nước trên lục địa	Khai thác và sử dụng không hợp lí nguồn nước ngầm dẫn đến suy giảm trữ lượng và gia tăng ô nhiễm	Liên hệ
			Các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt: Giữ sạch nguồn nước; sử dụng nước tiết kiệm; trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn...	Bộ phận
	Sinh quyển	Bài 15, mục 3: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật	Con người phá rừng bừa bãi làm suy giảm đa dạng sinh học, nhiều loài sinh vật có nguy cơ tuyệt chủng	Liên hệ
	Một số quy luật của vỏ địa lí	Bài 17, mục 2: Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí	Biểu hiện của quy luật (ví dụ về hậu quả của việc phá rừng) và ý nghĩa thực tiễn (phải có biện pháp hợp lí để sử dụng và bảo vệ tự nhiên)	Bộ phận
		Bài 18: Quy luật địa đới và phi địa đới	Ý nghĩa thực tiễn (có các biện pháp ứng xử với tự nhiên một cách hợp lí)	Bộ phận
	Địa lí dân cư	Bài 20, mục 2. c: Đô thị hoá	Phân tích ảnh hưởng của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường	Bộ phận
	Địa lí các	Bài 25, mục 1; Bài	- Vai trò của rừng, diện tích rừng	Liên

	ngành kinh tế	26, mục 1: Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	trên thế giới suy giảm, chính sách bảo vệ rừng và đa dạng sinh học - Vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp (sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững)	hệ
		Bài 29; Bài 31, mục 3: Công nghiệp	- Tác động của công nghiệp khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm đối với môi trường - Định hướng phát triển công nghiệp (sử dụng năng lượng tái tạo, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên...)	Bộ phận
		Bài 34, mục 3.a, d: Dịch vụ	- Tình hình phát triển và phân bố đường ô tô (gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn); đường biển (gây ô nhiễm môi trường biển, đại dương)	Liên hệ
	Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	Bài 39: Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	Khái niệm, đặc điểm, vai trò của môi trường và tài nguyên thiên nhiên	Toàn phần
		Bài 40: Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	- Trình bày khái niệm và sự cần thiết phải phát triển bền vững; - Trình bày khái niệm và biểu hiện của tăng trưởng xanh - Liên hệ được một số vấn đề về tăng trưởng xanh tại địa phương	Toàn phần
	Chuyên đề 2. Đô thị hoá	Mục IV: Đô thị hoá ở các nước đang phát triển	Phân tích được tác động tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hoá đến dân số, kinh tế, xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển	Bộ phận
	Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế và an ninh toàn cầu	Bài 4, mục II.1.b, c: An ninh toàn cầu	- An ninh năng lượng - An ninh nguồn nước	Bộ phận
	1	Khu vực Mỹ Latinh	Bài 6, mục II.4, 5, 6: Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên	Liên hệ
			- Biển: khai thác thủy sản quá mức, ô nhiễm môi trường - Sinh vật: diện tích rừng và độ che phủ rừng suy giảm - Khoáng sản dần cạn kiệt, gây ô	

			nhiễm môi trường	
		Bài 6, mục III.2: Dân cư, xã hội	Đô thị hoá gây ô nhiễm môi trường ở các thành phố	Liên hệ
	Khu vực Đông Nam Á	Bài 12, mục II.1b, c: Kinh tế	- Lâm nghiệp: diện tích rừng giảm, áp dụng biện pháp trồng rừng, bảo vệ rừng, hạn chế khai thác - Thủy sản: đặt ra vấn đề bảo vệ môi trường, diện tích rừng ngập mặn	Liên hệ
	Trung Quốc	Bài 27, mục II. 2: Kinh tế	- Công nghiệp sản xuất điện: chú trọng phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) - Công nghiệp luyện kim giảm khí thải cacbon	Liên hệ
12	Vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	Bài 5, mục I: Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên	- Trình bày và giải thích sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta - Nêu một số giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên ở nước ta	Toàn phần
		Bài 5, mục II; Bài 6: Bảo vệ môi trường	- Chứng minh và giải thích hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam - Nêu các giải pháp bảo vệ môi trường - Viết đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng tham gia vào việc sử dụng hợp lý tài nguyên hoặc bảo vệ môi trường ở địa phương	Toàn phần
	Địa lí các ngành kinh tế	Bài 11, mục II.1: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	- Trong công nghiệp ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường; công nghiệp xanh, sử dụng tiết kiệm tài nguyên - Trong nông nghiệp: khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn	Liên hệ
		Bài 13: Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	- Vấn đề quản lí và bảo vệ tài nguyên rừng (bảo vệ rừng tự nhiên, hạn chế chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tự nhiên...)	Liên hệ

			- Hạn chế của ngành thủy sản: ô nhiễm môi trường nước (ven bờ)	
		Bài 17: Vấn đề phát triển công nghiệp	Một số ngành công nghiệp: Công nghiệp khai thác than, dầu thô, khí thiên nhiên; công nghiệp sản xuất điện đã chú ý bảo vệ môi trường (áp dụng công nghệ hiện đại, phát triển năng lượng tái tạo - điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối)	Liên hệ
		Bài 22, mục II.3: Vấn đề phát triển dịch vụ	Du lịch với sự phát triển bền vững	Bộ phận
Khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi phía Bắc	Bài 24, mục II.1: Khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế		Khai thác khoáng sản cần chú ý đến vấn đề ô nhiễm môi trường và suy giảm diện tích rừng	Liên hệ
Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng	Bài 25, mục II.2.b: Các thế mạnh để phát triển kinh tế		Hạn chế: dân đông, mật độ dân số cao gây sức ép đối với môi trường	Liên hệ
	Bài 26: Một số vấn đề phát triển kinh tế		Định hướng phát triển công nghiệp ít phát thải khí nhà kính	Liên hệ
Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ	Bài 27, mục II.2.b, c: Thế mạnh, hạn chế để hình thành và phát triển cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản		- Lâm nghiệp: vai trò của việc bảo vệ, trồng rừng và phát triển vốn rừng - Thủy sản: đẩy mạnh đánh bắt xa bờ	Liên hệ
Phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Bài 28, mục III.5, 7: Thế mạnh, hạn chế và việc phát triển các ngành kinh tế của vùng		- Phát triển thủy điện: cần có quy hoạch hợp lý, hạn chế tác động đến môi trường - Phát triển lâm nghiệp: bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Liên hệ
Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ	Bài 30, mục II.2: Các thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế		Tỉ lệ dân nhập cư cao cũng gây tác động đến môi trường	Liên hệ
	Bài 30, mục IV: Vấn đề bảo vệ môi trường		Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường	Bộ phận
Sử dụng hợp lý tự nhiên để phát triển kinh	Bài 31, mục II: Sử dụng hợp lý tự nhiên		Hướng sử dụng hợp lý tự nhiên (phát triển nông nghiệp xanh, du lịch sinh thái, năng lượng tái tạo...	bộ phận

	tế ở Đồng bằng sông Cửu Long			
	Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo	Bài 33, mục II: Tài nguyên thiên nhiên	Tài nguyên sinh vật, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên du lịch	Bộ phận
		Bài 33, mục III: Khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo	- Phát triển du lịch biển, giao thông vận tải biển, khai thác khoáng sản biển, du lịch biển - Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta	Bộ phận
	Chuyên đề 3. Phát triển làng nghề	Mục II: Phát triển làng nghề và các tác động	Tác động của làng nghề đến kinh tế, xã hội và tài nguyên, môi trường	Bộ phận

Nội dung và mức độ tích hợp giáo dục biển đảo trong môn Địa lí

Lớp	Chủ đề/ Chuyên đề	Địa chỉ tích hợp	Nội dung có thể tích hợp	Mức độ tích hợp
10	Thủy quyền	Bài 12, mục 3: Nước biển và đại dương	Vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội	Bộ phận
12	Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ	Bài 1, mục I.2: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	Xác định phạm vi vùng biển (nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa)	Bộ phận
	Địa lí các ngành kinh tế	Bài 13, mục II.1: Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Thế mạnh và hạn chế đối với phát triển ngành thủy sản	Liên hệ
	Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ	Bài 27, mục II.1: Thế mạnh, hạn chế để hình thành và phát triển cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	- Tài nguyên biển: vùng biển rộng, tài nguyên phong phú, nguồn lợi thủy sản dồi dào - Đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo	Liên hệ
	Phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Bài 28, mục III.1, 2: Thế mạnh, hạn chế và việc phát triển các ngành kinh tế của vùng	- Khai thác hải sản: đẩy mạnh khai thác xa bờ, đầu tư tàu khai thác công suất lớn, trang thiết bị hiện đại - Nuôi trồng hải sản: hướng đến phát triển hiện đại - Giao thông vận tải biển: tăng cường bảo vệ tài nguyên, môi	Liên hệ

			trường biển	
	Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ	Bài 30, mục III.4: Phát triển các ngành kinh tế	Phát triển kinh tế biển (giao thông vận tải, khai thác khoáng sản, du lịch, khai thác và nuôi trồng hải sản)	Bộ phận
	Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo	Bài 33, mục I: Khái quát về Biển Đông và các đảo, quần đảo	Giới thiệu Biển Đông, các đảo Hoàng Sa và Trường Sa	Toàn phần
		Bài 33, mục II: Tài nguyên thiên nhiên	Tài nguyên sinh vật, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên du lịch	Toàn phần
		Bài 33, mục III, IV: Khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo	- Phát triển du lịch biển, giao thông vận tải biển, khai thác khoáng sản biển, du lịch biển - Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta	Toàn phần
		Bài 33, mục V; Bài 34: Ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước; hướng chung trong giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo	- Phân tích ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước; trình bày được hướng chung trong việc giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo ở Biển Đông - Sử dụng bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các tài nguyên thiên nhiên và việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo - Thu thập được tài liệu, tranh ảnh, video,... để viết và trình bày báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam	Toàn phần

- Tiếp tục thực hiện chỉ thị 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường theo hướng gắn việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nội dung pháp luật về phòng, chống tham nhũng và đạo đức liêm chính, phòng chống tệ nạn xã hội; giáo dục quyền con người; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa cho học sinh; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông; giáo dục tăng cường năng lực số, chuyển đổi và các nội dung giáo dục lồng ghép, phù hợp khác theo quy định.

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc CT GDPT 2018. Duy trì nền nếp thực hiện các bài tập thể dục, tập luyện và tổ chức thi đấu các môn thể thao nhằm phát triển thể lực toàn diện cho học sinh.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện các tổ, nhóm chuyên môn tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức Hội thảo khoa học, tọa đàm trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế nhà trường.

1.6. Phân công bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi tham dự Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh

STT	Họ và tên	Chức vụ	GV phụ trách	Lịch dạy
1	Nguyễn Thị Thu Thủy	PHT	Môn Toán	Chiều thứ Tư hàng tuần từ 21/9-30/12
2	Hoàng Văn Hùng	GV	Môn Hóa	Chiều thứ Tư hàng tuần từ 21/9-30/12
3	Nguyễn Thị Giang	GV	Môn Lý	Chiều thứ Tư hàng tuần từ 21/9-30/12
4	Phan Quốc Anh	TTCM	Môn Sinh	Chiều thứ Tư hàng tuần từ 21/9-30/12
5	Đào Trà Giang	GV	Môn Văn	Chiều thứ Tư hàng tuần từ 21/9-30/12
6	Ngô Thị Thanh Thủy	TTCM	Môn Sử	Chiều thứ Tư hàng tuần từ 21/9-30/12
7	Nguyễn Đình Minh	GV	Môn Địa	Chiều thứ Năm hàng tuần từ 21/9-30/12
8	Đỗ Thị Huệ	GV	Môn Tiếng Anh	Chiều thứ Năm hàng tuần từ 21/9-30/12
9	Phạm Thị Nhan	TKHD	Môn Tin	Chiều thứ Tư hàng tuần từ 21/9-30/12
10	Đỗ Thị Phương Yến	GV	GDKT&PL	Chiều thứ Năm hàng tuần từ 21/9-30/12

Phấn đấu có từ 25 giải HSG cấp tỉnh trở lên. Tham gia có hiệu quả Hội thi GVDG cấp tỉnh.

1.7. Phân công giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu KHK

STT	Môn	Giáo viên hướng dẫn	Ghi chú
1	Tiếng Anh	Nguyễn Thu Thủy Đỗ Thị Thời	
2	Ngữ văn	Đỗ Thị Thi; Nguyễn Thị Dương Nguyễn Thị Thảo	

3	Tin học	Phạm Thị Nhan Nguyễn Thị Tú	
4	Hóa học	Trần Thị Ngân Hoàng Văn Hùng	
5	Sinh học	Phan Quốc Anh	
6	Vật Lý	Nguyễn Thị Giang	
7	Công nghệ	Hoàng Thị Yến	
8	Lịch sử	Đỗ Thị Cúc	

1.8. Kế hoạch tổ chức lịch học bù các ngày lễ lớn

TT	Ngày nghỉ học	Ngày học bù	Ghi chú
1	Sáng thứ 7, ngày 05/9/2026	Ngày 11/1/2027	
2	Sáng thứ 6, ngày 20/11/2026	Ngày 12/1/2027	
3	Sáng thứ 6, ngày 26/03/2027	Ngày 09/5/2027	
4	Sáng thứ 6, ngày 30/4/2027	Ngày 16/5/2027	
5	Sáng thứ 7, ngày 01/5/2027	Ngày 23/5/2027	

1.9. Khung thời gian hoạt động trong ngày:

* Thời gian học từ 05/9/2026 đến 31/5/2027

Buổi Sáng:

Thời gian	Thời lượng	Buổi 1 (Sáng) (Toàn trường từ thứ 2 đến thứ 7)
7h00 – 7h15	15 phút	Truy bài
7h15 – 8h00	45 phút	Tiết 1
8h05 – 8h50	45 phút	Tiết 2
9h10 – 9h55	45 phút	Tiết 3
10h00 – 10h45	45 phút	Tiết 4
10h50 – 11h35	45 phút	Tiết 5
11h35		Tan học buổi Sáng
11h35- 12h30		Nghỉ trưa

Buổi Chiều:

Thời gian	Thời lượng	Buổi 2 (Chiều) (Toàn trường từ thứ 2 đến thứ 7)
12h30 – 12h45	15 phút	Truy bài
12h45– 13h30	45 phút	Tiết 1
13h35 – 14h20	45 phút	Tiết 2
14h25 – 15h10	45 phút	Tiết 3
15h25 – 16h10	45 phút	Tiết 4
16h15 – 17h00	45 phút	Tiết 5
17h00		Tan học buổi Chiều

1.10. Hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ

- Dự kiến học sinh khối 12 đi tham quan trải nghiệm tại Mộc Châu, Sơn La
- Dự kiến học sinh khối 11 đi tham quan trải nghiệm di sản văn hóa tại Đền thờ nhà giáo Chu Văn An và khu di tích Côn Sơn- Kiếp Bạc.
- Dự kiến học sinh khối 10 đi tham quan trải nghiệm di sản văn hóa khu di tích lịch sử Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ.
- Các câu lạc bộ hoạt động theo kế hoạch của Câu lạc bộ.

1.11. Tham gia các Cuộc thi, Hội thi chuyên môn, Hội thảo*** Hội thi, Cuộc thi cấp trường:**

- Trường tổ chức Hội thi GV dạy giỏi cấp trường tháng 10/2026.
- Cuộc thi Nghiên cứu KHKT cấp trường (cụm) vào tháng 11/2026.
- Cuộc thi Hùng biện tiếng Anh dành cho học sinh THPT: cấp trường Tháng 11/2026.
- Ngày Hội Stem và Cuộc thi HSPT với ý tưởng khởi nghiệp dịp 26/3/2027.
- * Thời gian tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi do Sở GDĐT tổ chức (dự kiến):**
 - + Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp THPT: tháng 11/2026.
 - + Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp THCS: tháng 03/2027.
 - + Cuộc thi Hùng biện tiếng Anh dành cho học sinh THCS: tháng 01/2027.
 - + Cuộc thi Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cấp tỉnh: tháng 12/2026.
 - Tham gia các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp quốc gia do Bộ GDĐT tổ chức:
 - + Tham gia Cuộc thi Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cấp quốc gia năm học 2026-2027 (theo kế hoạch của Bộ GDĐT).
 - + Tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh toàn quốc năm 2026 (theo kế hoạch của Bộ GDĐT).

Việc tổ chức, tham gia các kỳ thi, cuộc thi, hội thi,... (có văn bản hướng dẫn riêng) bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định; công bằng, khách quan, trung thực theo hướng dẫn và chủ

trương tình giảm các kỳ thi, cuộc thi, hội thi của Bộ GDĐT.

(có kế hoạch cụ thể cho từng Cuộc thi, Hội thi)

* **Đăng ký thi GV dạy giỏi cấp trường**

STT	Môn	Giáo viên dạy	Thời gian
1	Tiếng Anh	Lê Thị Hạnh	Tháng 10/2026
2	Ngữ văn	Phạm Thị Thùy Linh Đỗ Thị Thi	
3	Sinh học	Nguyễn Thị Hoa; Phan Quốc Anh	
4	Lịch sử	Ngô Thị Thanh Thủy	
5	Vật lý	Đỗ Minh Đức	
6	Toán	Hoàng Thị Loan	
9	Địa lý	Nguyễn Đình Minh	

- Hội học, hội giảng:

Tăng cường công tác dự giờ thăm lớp, tập sự ít nhất 1 tiết/tuần, tổ trưởng ít nhất 1 tiết/2 tuần nhưng trong đó phải dự ít nhất 4 tiết/giáo viên của tổ/học kỳ, ưu tiên dự giờ đúng chuyên môn. Mỗi giáo viên có 01- 2 tiết/năm được đồng nghiệp dự, trong đó có ít nhất 1 tiết có ứng dụng CNTT/AI. Trong năm học tổ chức 03 đợt hội giảng, và thực hiện các giờ dạy dựa trên nghiên cứu bài học theo các tháng.

- **ĐỢT I:** Tháng 10 (05/10/2026 - 17/10/2026)

- **ĐỢT II:** Tháng 11 (02/11/2026 - 14/11/2026)

- **ĐỢT III:** Tháng 3 (01/3/2027 - 20/3/2027)

* **Sinh hoạt chuyên môn theo Cụm CM số 5 (Theo KH riêng của Cụm 5)**

1.12. Quản lý dạy thêm, học thêm trong nhà trường

- Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường; công tác quản lý giáo viên tham gia dạy thêm ngoài nhà trường theo quy định tại Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT; Quyết định số 22/2026/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Hướng dẫn số 04/HD-SGDĐT ngày 11/6/2026 và Công văn số 2490/SGDĐT-GDPT ngày 22/7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo; không ép buộc học sinh học thêm, không cắt xén nội dung chính khóa, không sử dụng buổi học thứ hai để tổ chức dạy thêm có thu tiền trái quy định. Thiết lập, công khai số điện thoại tiếp nhận phản ánh và xử lý kịp thời thông tin về dạy thêm, học thêm.

- Chuẩn bị tốt việc ôn tập cho học sinh dự thi Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2027, phấn đấu đạt kết quả cụ thể như sau:

+ Điểm trung bình các môn thi tiếp tục được duy trì và nâng cao hơn so với năm 2026 (nằm trong top 8 của tỉnh).

** Địa điểm trong nhà trường (Bồi dưỡng HS giỏi; Phụ đạo học sinh chưa đạt):*

Trường THPT Trung Vương, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên

** Thời gian học thêm:*

Bồi dưỡng HS giỏi, Phụ đạo HS yếu; HS lớp 12 học ôn thi tốt nghiệp THPT theo KH

** Quản lý dạy thêm*

- Đồng chí Bùi Thị Ngọc – PHT, phụ trách hoạt động DTHT
- Nhà trường phân công giáo viên dạy theo thời khóa biểu.
- BGH và các tổ trưởng trực các buổi học thêm theo lịch trực hàng tuần
- Tổ trưởng chuyên môn kí giáo án dạy thêm của tổ
- Ban giám hiệu kí giáo án của tổ trưởng theo tổ phụ trách

(DTHT trong nhà trường có kế hoạch cụ thể riêng)

2. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; giáo dục truyền thống; xây dựng trường học nền nếp, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, thân thiện, không bạo lực học đường.

- Tổ chức triển khai đầy đủ Chỉ thị, Nghị quyết của Đại hội đảng bộ các cấp, các chính sách của Nhà nước cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh đặc biệt là Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị trung ương 8 khóa XI "về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế"; thông tư số 14/2018/TT-BGD&ĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông; thông tư số 20/2018/TT-BGD&ĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

- Triển khai cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập đầy đủ các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của công chức, viên chức như: Nghị định số 233/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức; Nghị định số 259/2026/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục; Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 và Luật số 06/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, có hiệu lực từ ngày 01/10/2026; Luật Công đoàn số 50/2024/QH15 ngày 27/11/2024; Thông tư số 07/2026/TT-BGD&ĐT.

- Thực hiện tốt Chỉ thị 07-CT/TW, ngày 13/7/20226 của Bộ Chính trị về " *Đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới*"; gắn với việc thực hiện phong trào thi đua dạy tốt- học tốt của CB-CNV, học sinh và các hoạt động giáo dục thiết thực, hiệu quả như: *dạy tích hợp vào các giờ chính khóa, tổ chức hoạt động ngoại khóa, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt tập thể, thi tìm hiểu, viết bài, kể chuyện về Bác Hồ ...*

- Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung sau:

+ Giáo dục thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh: tích hợp vào các môn học cụ thể, các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, sinh hoạt tập thể.

+ Giáo dục pháp luật: luật an toàn giao thông, luật an ninh mạng, đề án tuyên truyền giáo dục pháp luật, phòng chống tham nhũng qua việc tuyên truyền, phối kết hợp với huyện Đoàn, công an huyện, phòng tư pháp tổ chức hoạt động ngoại khóa.

+ Giáo dục truyền thống văn hóa, văn hiến, lịch sử địa phương thông qua việc tổ chức cho học sinh hát Quốc ca, hát các bài hát truyền thống về nhà trường, về Bác, về quê hương đất nước; qua hoạt động dạy học tại di sản; bảo tàng tỉnh; tổ chức cho học sinh tìm hiểu, triển lãm về một số nhân vật tiêu biểu, di tích lịch sử của tỉnh Hưng Yên giai đoạn từ năm 1858 đến 1975.

+ Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh thông qua các giờ học kết hợp mời các chuyên gia tư vấn về sức khỏe sinh sản vị thành niên, thành lập tổ tư vấn tâm lý học sinh, phối kết hợp với đoàn trường tổ chức các chương trình ngoại khóa và tư vấn tâm lý cho học sinh.

+ Tuyên truyền, tích hợp giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, hạn chế rác thải nhựa thông qua môn học GDKT&PL, Địa lý, Vật lý, Sinh học... và hoạt động tuyên truyền, kiểm tra của đội thanh niên tình nguyện.

+ Giáo dục phòng chống bạo lực học đường qua việc tuyên truyền, thành lập đội quân sinh, đội thanh niên tình nguyện phối kết hợp với Hội CMHS trong việc theo dõi, quản lý nề nếp, ngăn chặn phòng ngừa, xử lý kịp thời các biểu hiện vi phạm nội quy, bạo lực học đường.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

- Xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm về mục tiêu, nội dung, phương pháp kỹ thuật dạy học và thiết bị học liệu, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất năng lực học sinh. Việc xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức các hoạt động học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh.

- Đối với môn Lịch sử, cần tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực; đồng thời gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh trong học tập môn Lịch sử.

- Đối với môn Ngữ văn, cần thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn theo hướng dẫn tại Công văn số 1513/SGDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 08/8/2022 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao trên cơ sở tự nguyện của cha mẹ học sinh và học sinh phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và nội dung học tập của học sinh trung học; tăng cường giao lưu hợp tác nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh, bổ sung hiểu biết nhằm bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản trong dạy học một số môn học, hoạt động giáo dục phù hợp.

- Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động quản lý và hoạt động dạy học theo lộ trình của ngành bao gồm: ứng dụng CNTT trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng CNTT trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

4. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

- Thực hiện việc đánh giá học sinh theo TT 22/2021/TT-BGDĐT đối với học sinh các khối lớp; xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Định dạng đề kiểm tra thực hiện theo Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cấu trúc định dạng đề thi kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025.

- Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Tổ, nhóm chuyên môn xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ đánh giá định kỳ các môn học bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số. Đối với các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét khuyến khích thực hiện thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục. Việc đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá các môn học phải đảm bảo yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

- Đối với môn Ngữ văn, tránh sử dụng những văn bản, đoạn trích đã được học trong sách giáo khoa để làm ngữ liệu kiểm tra đánh giá năng lực đọc hiểu và viết trong các bài kiểm tra định kì. Khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn. Tiếp tục thực hiện việc kiểm tra, đánh giá theo Công văn số 1513/SGDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 08/8/2022 đối với các khối lớp.

- Đối với môn Lịch sử, tăng cường câu hỏi nhằm khai thác, sử dụng các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ; câu hỏi mở tạo điều kiện cho học sinh tự biểu đạt chính kiến của mình về các vấn đề lịch sử, hướng tới đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh, khắc phục tình trạng ghi nhớ sự kiện, ngày tháng, địa điểm, số liệu...một cách máy móc thụ động.

- Việc kiểm tra, đánh giá cụm chuyên đề học tập lựa chọn đối với các khối lớp được thực hiện theo khoản 3, Điều 6 tại Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi nhận vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh thuộc học kì khi kết thúc dạy cụm chuyên đề học tập.

- Đối với học sinh chuyển đổi môn học thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 68/BGDĐT-GDTrH ngày 06/01/2023 của Bộ GDĐT. Nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá việc tự bổ sung kiến thức, kỹ năng của học sinh theo nội dung, yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình môn học tính đến thời điểm kiểm tra và được thực hiện tương tự như bài kiểm tra, đánh giá định kì. Kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh, tại cột Ghi chú của môn học, thuộc học kì II; đồng thời ghi vào Học bạ tại ô “Kết quả học tập, rèn luyện trong hè”

- Việc kiểm tra đánh giá lại theo quy định Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định về đánh giá học sinh THCS và THPT, học sinh chưa đủ điều kiện lên lớp có quyền được đánh giá lại đối với các môn học chưa đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 14. Trường hợp học sinh không có nguyện vọng được đánh giá lại tất cả các môn học chưa đạt yêu cầu thì nhà trường có thể cho học sinh được lựa chọn số môn học để được đánh giá lại và sử dụng kết quả đánh giá lại để xét lên lớp theo quy định tại Điều 12 của Thông tư này.

- Chuẩn bị các điều kiện về nền tảng CNTT đảm bảo tốt chuyển đổi số trong quản lý và dạy học. Trọng tâm thực hiện chuyển đổi số trong quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

5. Giáo dục năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo

Tổ chức triển khai nội dung giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục trí tuệ nhân tạo và an toàn mạng phù hợp từng cấp học theo Khung năng lực số, Khung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông và các hướng dẫn liên quan.

Chỉ đạo, hướng dẫn tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên đưa nội dung giáo dục năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo vào kế hoạch dạy học các môn học/hoạt động giáo dục và kế hoạch dạy học của giáo viên, bảo đảm việc triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT; vận dụng các kiến thức đã được trang bị trong các đợt tập huấn của Sở GDĐT về Khung năng lực số, Khung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông để hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, trung thực; phòng ngừa sự phụ thuộc, lạm dụng công nghệ và các nguy cơ trên môi trường số.

Chỉ đạo giáo viên đánh giá kết quả giáo dục năng lực số của học sinh theo yêu cầu cần đạt tại văn bản hướng dẫn thực hiện Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định Khung năng lực số cho người học; đánh giá kết quả giáo dục trí tuệ nhân tạo theo Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2026 của Bộ GDĐT ban hành Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông và các hướng dẫn chuyên môn của Bộ GDĐT.³ Triển khai thực hiện nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông từ năm học 2026-2027 theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo⁴ (trường chờ SGD có văn bản hướng dẫn riêng đối với việc thực hiện nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông từ năm học 2026-2027 và xây dựng KH cụ thể).

6. Tổ chức dạy học tiếng Anh và nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ

Từng bước tổ chức dạy học và sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong trường học, phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và đối tượng học sinh. Mở rộng môi trường giao tiếp, thực hành và sử dụng tiếng Anh trong các môn học, hoạt động giáo dục và sinh hoạt nhà trường. Các cơ sở giáo dục tập trung triển khai thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

- Tăng cường công tác truyền thông bằng các hình thức, phương tiện khác nhau như truyền thông nội bộ trong trường học, truyền thông tương tác tại cộng đồng ... để phổ biến sâu rộng đến toàn xã hội, đặc biệt là phụ huynh học sinh, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và học sinh về vai trò quan trọng của tiếng Anh trong quá trình hội nhập quốc tế, phát triển phẩm chất, năng lực toàn diện của con người Hưng Yên;

- Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh; đổi mới hình thức dạy - học, kiểm tra, đánh giá, tạo điều kiện phát triển năng lực tư duy, sáng tạo, kỹ năng thực hành và khả năng giao tiếp của học sinh. Đa dạng hóa các hình thức dạy học bao gồm cả ở trong và ngoài lớp học; tạo môi trường sử dụng tiếng Anh tối đa cho học sinh; tăng cường các hoạt

³ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số.

⁴ Công văn số 5588/BGDĐT-GDPT ngày 19/8/2026 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông từ năm học 2026-2027.

động trải nghiệm, giao lưu, phát triển văn hóa đọc sách bằng tiếng Anh, hoạt động ngoại khóa tiếng Anh, các hoạt động tiếng Anh cấp trường dành cho học sinh như: hùng biện, tranh biện, kể chuyện, sân khấu hóa, gameshow; ngày hội tiếng Anh; hoạt động trải nghiệm bằng tiếng Anh.

- Tiếp tục duy trì duy trì hoạt động của câu lạc bộ tiếng Anh; yêu cầu 100% các nhà trường thành lập và tổ chức hoạt động của câu lạc bộ tiếng Anh thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

- Khen thưởng, khuyến khích động viên các tập thể và cá nhân trong nhà trường có nhiều sáng kiến tiên phong, giải pháp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh, xây dựng môi trường học và sử dụng tiếng Anh thiết thực, hiệu quả;

Tổ chức dạy học các ngoại ngữ theo Chương trình giáo dục phổ thông. Đa dạng hóa ngoại ngữ được dạy học phù hợp với nhu cầu của người học và điều kiện của cơ sở giáo dục.

7. Tăng cường giáo dục nghệ thuật

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 11/KH-SGDĐT ngày 16/01/2026 của Sở GDĐT về việc đưa nghệ thuật truyền thống vào các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo nhằm phát triển mạnh mẽ, sâu rộng các loại hình nghệ thuật truyền thống trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh, nâng cao nhận thức, hiểu biết về nghệ thuật truyền thống cho cán bộ, giáo viên, học sinh.

Tổ chức đa dạng hoạt động giáo dục nghệ thuật trong và ngoài giờ học thông qua môn học, hoạt động giáo dục, câu lạc bộ, sân chơi và trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm việc tổ chức các hoạt động đưa nghệ thuật truyền thống vào các cơ sở giáo dục phổ thông được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, điều kiện thực tế của nhà trường. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan và huy động sự tham gia của các lực lượng xã hội để triển khai có hiệu quả, thực chất kế hoạch đề ra.

Khuyến khích học sinh sáng tạo, biểu diễn, cảm thụ nghệ thuật; giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống, bản sắc dân tộc và địa phương; tiếp cận có chọn lọc nghệ thuật đương đại phù hợp với lứa tuổi theo văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT.⁵

8. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống và trách nhiệm công dân; xây dựng văn hóa học đường; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; hình thành ở học sinh các giá trị cốt lõi của con người Việt Nam, lòng yêu nước, ý thức thượng tôn pháp luật, khát vọng cống hiến và trách nhiệm xã hội.

Đổi mới giáo dục đạo đức và văn hóa ứng xử: Đẩy mạnh phong trào "Trường học hạnh phúc", đưa nội dung văn hóa ứng xử, lòng biết ơn và trách nhiệm xã hội vào các giờ sinh hoạt, hoạt động trải nghiệm.

Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật: Phối hợp chặt chẽ với công an địa phương tổ chức các chuyên đề tuyên truyền về an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, an ninh mạng và phòng chống tệ nạn xã hội.

⁵ Công văn số 5069/BGDĐT-GDPT ngày 03/8/2026 của Bộ GDĐT về việc tăng cường tổ chức phong trào rèn luyện thể chất và thực hành nghệ thuật trong các cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2026-2027.

Rèn luyện kỹ năng sống thực tiễn: Trang bị cho học sinh các kỹ năng quản lý cảm xúc, tư duy phân biện, làm việc nhóm, phòng chống xâm hại và kỹ năng ứng phó với rủi ro trên không gian mạng.

Tăng cường phối hợp ba môi trường giáo dục: Xây dựng kênh thông tin xuyên suốt giữa Nhà trường – Gia đình – Xã hội; nâng cao hiệu quả công tác tư vấn tâm lý học đường để kịp thời hỗ trợ học sinh.

Phát huy vai trò tự quản của Đoàn Thanh niên: Tạo sân chơi lành mạnh qua các câu lạc bộ sở thích, hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, giúp học sinh rèn luyện lối sống đẹp, có hoài bão và lý tưởng sống tích cực.

9. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục

Nhà trường tiếp tục tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn; bảo đảm các điều kiện học tập thiết yếu cho học sinh như sách giáo khoa, học liệu; ưu tiên điều kiện đi học, tư vấn tâm lý và kết nối an sinh xã hội.

Trong năm học các nhà trường triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ, bao gồm việc hỗ trợ vật chất và tinh thần thông qua việc trao học bổng, hỗ trợ chi phí học tập, ... Khắc phục rào cản do hoàn cảnh kinh tế, khoảng cách địa lý, khuyết tật, ngôn ngữ và biến động dân cư. Việc hỗ trợ phải góp phần duy trì sĩ số, hạn chế học sinh bỏ học, nâng cao kết quả học tập và bảo đảm học sinh hoàn thành chương trình.

10. Giáo dục học sinh khuyết tật

Nhà trường tiếp tục tổ chức thực hiện giáo dục đối với học sinh khuyết tật theo quy định⁶. Chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân cho học sinh khuyết tật thông qua điều chỉnh chương trình học nội dung văn hóa phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng học sinh khuyết tật, bảo đảm học sinh có thể tiếp thu kiến thức và kỹ năng một cách hiệu quả.

Tăng cường phối hợp với gia đình, cơ sở y tế, tổ chức xã hội và cộng đồng trong việc phát hiện sớm, can thiệp giáo dục sớm, chăm sóc, phục hồi chức năng cho học sinh khuyết tật. Tổ chức cho học sinh được tham gia các hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác phù hợp với khả năng, nhu cầu để phát triển năng lực và tăng cường sự tự tin, góp phần thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hội thảo chuyên môn về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh khuyết tật học hòa nhập.

11. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý: Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018, trọng tâm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên thông qua các nội dung bồi dưỡng thường xuyên năm 2026; hội thảo khoa học (mỗi tổ chuyên môn thực hiện 01 Hội thảo khoa học tập trung bàn sâu những khó khăn vướng mắc gặp phải khi thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối

⁶ Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật, Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật.

với các khối lớp, đề xuất giải pháp tháo gỡ vướng mắc khó khăn); thông qua sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học.

- Tiếp tục sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có; chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học với mục tiêu kiên quyết không để tình trạng “*thiết bị đến trường mà không ra lớp*”.

- Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, học liệu để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học; đầu tư và tận dụng tối đa cơ sở vật chất của nhà trường để tổ chức dạy học nhiều hơn 06 buổi/tuần; bảo đảm chủ động thực hiện chương trình.

- Bảo đảm phòng học và phòng chức năng phù hợp với các thiết bị dạy học theo chương trình giáo dục trung học; tăng cường cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật để bảo đảm chất lượng việc dạy học và kiểm tra, đánh giá.

- Phát triển kho học liệu điện tử, video bài học minh họa, thiết bị dạy học điện tử để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

12. Đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và chuyển đổi số

12.1. Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường

- Phát huy quyền chủ động của hiệu trưởng gắn với trách nhiệm giải trình trong quản trị nhà trường; hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, cải tiến chất lượng, bảo đảm an toàn, công khai và dân chủ⁷.

- Nhà trường sử dụng kết quả học tập, rèn luyện, chuyên cần, phản ánh của học sinh, cha mẹ học sinh, dữ liệu đội ngũ, cơ sở vật chất, điều kiện dạy học để điều chỉnh kế hoạch giáo dục, phân công giáo viên, hỗ trợ học sinh, cải tiến chất lượng và giải trình với tổ chức, cá nhân liên quan.

- Tiếp tục đẩy mạnh và tăng cường công tác quản lý của Ban giám hiệu, thực hiện linh hoạt kế hoạch nhà trường, không ngừng nâng cao hiệu quả, hiệu lực của quản lý.

- Tổ chức thực hiện đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục, quán triệt đầy đủ sâu sắc cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tầm quan trọng của công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD đảm bảo đội ngũ nhà giáo phải được chuẩn hoá, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu. Đặc biệt coi trọng việc nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức lối sống, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao hiệu quả việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp CNH- HĐH đất nước.

- Trên cơ sở biên chế được giao, cân đối định mức lao động, phân công kiêm nhiệm các nhiệm vụ đảm bảo mặt bằng lao động trong toàn trường.

- Xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong đơn vị, đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách, quyền lợi của cán bộ, viên chức. Thực hiện tốt quy chế công khai, dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ; động viên, khen thưởng kịp thời; quan tâm đến đời sống, tình cảm, hoàn cảnh của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Triển khai có hiệu quả việc “*Đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phong pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới*”; gắn với thực hiện cuộc vận động “*Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học, sáng tạo*”, “*Dân chủ - Kỷ cương*”

⁷ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Tình thương - Trách nhiệm”, “*Mỗi giờ lên lớp là mỗi bước tiến trong giảng dạy, mỗi ngày đến trường có một đổi mới trong công việc*”, “*Nhà giáo cùng nhau phát triển*” và phong trào “*Xây dựng trường học hạnh phúc*”. Phát động phong trào thi đua: “*Nêu cao trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường trong thực hiện nhiệm vụ*”.

- Quản lý công chức, viên chức theo đúng quy định. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu của nhà trường, liên thông với cơ sở dữ liệu toàn ngành. Tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử (sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc, báo giảng, sổ chủ nhiệm, ...)

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công văn 1537 của Bộ GD&ĐT; tiếp tục đổi mới hình thức, nội dung chào cờ đầu tuần, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt 15 phút đầu buổi, sinh hoạt cuối tuần.

- Tăng cường công tác quản lý, phối hợp với các Đoàn thể, các tổ chức và Ban đại diện Cha mẹ học sinh trong thực hiện các nhiệm vụ.

- Thực hiện công tác tự kiểm tra đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng; kiểm tra hoạt động sư phạm 100% giáo viên; kiểm tra thường xuyên báo giảng, sổ đầu bài, kế hoạch dạy, sổ dự giờ; kiểm tra tài chính 2 lần trong năm.

- Giao quyền và trách nhiệm cho các Tổ trưởng- trưởng các đoàn thể trong các lĩnh vực hoạt động cụ thể.

- Tổ chức lấy ý kiến đóng góp bằng nhiều kênh thông tin như: *thư góp ý, phiếu điều tra, trao đổi qua điện thoại....* giúp HS được bày tỏ tâm tư nguyện vọng, bày tỏ quan điểm của mình, góp ý cho các Thầy/Cô giáo, cho công tác giảng dạy, lãnh đạo, quản lý của nhà trường; phân công giám hiệu, tổ tư vấn tâm lý học đường tiếp nhận và xử lý các thông tin theo hướng tích cực, trên tinh thần xây dựng, phát triển nhà trường và tạo các mối quan hệ đồng nghiệp, mối quan hệ thầy – trò, mối quan hệ trò – trò nghiêm túc đúng mực, thân thiện, dân chủ kỷ cương, thực hiện tốt phong trào thi đua “*Xây dựng trường học hạnh phúc*”.

- Tổ chức chỉ đạo đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường (bộ môn tiếng Anh tích cực chuẩn bị nội dung theo kế hoạch đã xây dựng để tham gia sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường hiệu quả chất lượng). Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để từng bước hoàn thiện kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường.

12.2. Chuyển đổi số, học bạ số và quản trị dữ liệu giáo dục

Triển khai học bạ số, học liệu số, tuyển sinh trực tuyến và các ứng dụng công nghệ số trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá. Bảo đảm toàn bộ học sinh có học bạ số được cập nhật đầy đủ, kịp thời; dữ liệu học bạ số kết nối về Cơ sở dữ liệu Học bạ số của Bộ và liên thông với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, không yêu cầu học sinh, cha mẹ học sinh cung cấp lại thông tin đã có trên hệ thống.⁸

Cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu giáo dục bảo đảm đúng, đầy đủ, kịp thời, thống nhất, an toàn và dùng chung giữa các cấp quản lý; bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định. Dữ liệu về học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất phải liên thông với dữ liệu giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục,

⁸ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

phục vụ thống nhất công tác quản lý, dự báo, điều hành và phân bổ nguồn lực.

Khai thác dữ liệu để phát hiện kịp thời thiếu hụt về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, chính sách hỗ trợ và các nguy cơ ảnh hưởng chất lượng, an toàn. Không yêu cầu cung cấp lại dữ liệu đã có trên hệ thống hoặc trong hồ sơ chuyên môn; không phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định.

Tiếp tục thực hiện xã hội hóa giáo dục, vận động các cá nhân, tập thể hỗ trợ các nguồn lực phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu người học phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp trong tổ chức các hoạt động giáo dục trên cơ sở đồng ý của các cấp quản lý, sự đồng thuận của cha mẹ học sinh và nguyện vọng của học sinh.

-Đẩy mạnh công tác truyền thông về các kết quả hoạt động của nhà trường các điển hình tiên tiến trong học tập, giảng dạy, quản lý.

Thực hiện chế độ thanh, kiểm tra thường xuyên trong chuyên môn, thu chi tài chính, xây dựng cơ sở vật chất, cấp phát văn bằng, tuyển sinh, tuyển dụng, đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng công khai, minh bạch, hạn chế thấp nhất sự sai sót. Tăng cường hoạt động của Ban thanh tra nhân dân theo đúng hướng dẫn của Công đoàn ngành. Động viên cán bộ công nhân viên tự giác, trách nhiệm, thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2026 – 2027.

13. Nâng cao chất lượng Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, Quốc phòng An ninh, Y tế học đường, Thẩm mỹ và vệ sinh môi trường

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01/06/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026–2035". Quyết định số 1991/QĐ-BGDĐT ngày 09/07/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026–2035 của ngành Giáo dục. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đoàn trường kết hợp với giáo viên nhóm GDTC duy trì nền nếp thực hiện các bài thể dục giữa giờ, tập luyện và tổ chức thi đấu các môn thể thao nhằm phát triển thể lực toàn diện cho học sinh.

Thực hiện Công văn số 5927/UBND-KGVX ngày tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc triển khai kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho người học; Thông tư số 33/2026/TT-BYT ngày 29/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định và hướng dẫn thi hành một số điều tại Nghị định số 165/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh;

Tổ chức Hội thao Quốc phòng cấp trường, lựa chọn Đội tuyển tham dự Hội thao Quốc phòng cấp tỉnh. Tham gia giao lưu các giải thể thao liên trường, thành lập các câu lạc bộ: câu lạc bộ ghi ta; sách và hành động; cầu lông; bóng bàn, bóng đá, cờ vua, bóng rổ...

Triển khai hiệu quả công tác phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích, chú trọng hướng dẫn giáo dục kỹ năng cho học sinh đồng thời đề xuất huy động nguồn lực xây dựng bể bơi trong trường học để áp dụng dạy bơi cho học sinh.

Tổ chức dạy và học, đánh giá môn GDQP-AN nghiêm túc theo đúng các văn bản hướng dẫn.

Thực hiện kế hoạch số 76/KH-SGDĐT ngày 24/6/2026 về việc triển khai công tác khám sức khỏe định kỳ cho HS; công văn 2698/SGDĐT-GDMN ngày 03/8/2026 về việc đẩy mạnh triển

khai công tác khám sức khỏe định kỳ cho giáo viên và học sinh, nhà trường tổ chức triển khai khám sức khỏe cho học sinh đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Phối hợp với Trung tâm y tế xã Như Quỳnh khám sức khỏe sàng lọc cho 100% học sinh nhà trường. Quản lý sức khỏe và cập nhật dữ liệu trên Sổ sức khỏe điện tử. Thường xuyên theo dõi tình trạng sức khỏe, thể lực, dinh dưỡng, sức khỏe tâm thần của học sinh để có biện pháp hỗ trợ phù hợp.

Phối hợp với cơ quan công an, cơ quan y tế và chính quyền địa phương hướng dẫn học sinh, học viên, sinh viên cài đặt, sử dụng ứng dụng VNeID, thực hiện tích hợp Sổ sức khỏe điện tử theo quy định.

Tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ phụ trách y tế trường học; nâng cao năng lực quản lý sức khỏe học sinh, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ năng xử lý các tình huống y tế học đường.

Thực hiện an toàn trường học, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

Vận động học sinh tham gia bảo hiểm Y tế bắt buộc (phần đầu 100% học sinh tham gia).

14. Dạy thực hành, thí nghiệm, sử dụng thiết bị dạy học

Các tổ chuyên môn cùng cán bộ thiết bị rà soát thiết bị hóa chất, thiết bị dạy học và các công cụ hỗ trợ dạy học, xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị hóa chất, trình BGH duyệt thanh lý các thiết bị, hóa chất hết hạn sử dụng và kế hoạch mua sắm các thiết bị dạy học, hóa chất còn thiếu hoặc chưa có.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch giáo dục môn học, tổ chuyên môn làm rõ tiết thực hành, tiết có sử dụng thiết bị. Giáo viên dạy căn cứ kế hoạch giáo dục môn học đăng ký cho cán bộ thiết bị trước 1 tuần để cán bộ thiết bị chuẩn bị.

Đối với các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học cử một giáo viên chuyên trách tham mưu về công tác thiết bị, thí nghiệm (được tính tiết kiêm nhiệm).

Cán bộ thiết bị phải thường xuyên thực hiện đầy đủ theo yêu cầu của giáo viên về việc chuẩn bị phòng thực hành, thiết bị dạy học, thực hiện đúng qui trình xử lý nước thải để đảm bảo môi trường.

Nhà trường đưa tiêu chí về việc sử dụng thiết bị dạy học, thí nghiệm, thực hành vào đánh giá chất lượng giờ dạy.

Việc sử dụng Thiết bị thí nghiệm được thể hiện cụ thể trong kế hoạch giáo dục môn học. Ngoài việc sử dụng thiết bị thí nghiệm thực tế thì nhà trường khuyến khích sử dụng mô hình thiết bị thí nghiệm ảo.

15. Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn

Tổ trưởng chuyên môn nắm vững các chủ trương của ngành về giáo dục, nội dung, chương trình, sách giáo khoa... triển khai ở Tổ của mình.

Trước khi sinh hoạt tổ chuyên môn, tổ trưởng và nhóm trưởng xây dựng kế hoạch nội dung rõ ràng, phân công và phối hợp với các thành viên trong tổ chuẩn bị chu đáo các nội dung sinh hoạt. Nội dung sinh hoạt chuyên môn phải tập trung về đổi mới phương pháp dạy học, dạy chủ đề, thực hành, thí nghiệm, cách thức kiểm tra đánh giá, sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học cần lựa chọn giải quyết những vấn đề khó, rút kinh nghiệm các giờ dạy thao giảng, ... hạn chế tối đa việc nặng về hành chính. Nội dung được phản ánh trong biên bản sinh

hoạt chuyên môn.

Các Tổ trưởng chuyên môn tham mưu cho Ban lãnh đạo tổ chức chuyên môn liên trường, phân đầu năm học 2026-2027 giao lưu với 1-2 đơn vị bạn. Các Tổ chuyên xây dựng tổ chức 01 Hội thảo khoa học dành cho giáo viên, nội dung của Hội thảo tập trung hoặc bàn sâu về đề thi học sinh giỏi hoặc bàn về kiểm tra đánh giá theo dạng thức đề thi do Bộ GD&ĐT quy định từ năm 2025 hoặc bàn về những vướng mắc khó khăn trong thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Mỗi Tổ chuyên môn xây dựng và tổ chức 01 hoạt động giáo dục của Tổ chuyên môn dành cho học sinh. Nội dung của hoạt động tập trung vào việc học sinh vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Tiếp tục đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong dựa trên nghiên cứu bài học. Chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học trong nhà trường. Chủ động triển khai các hoạt động chuyên môn để hỗ trợ hoạt động bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý; tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại trường, cụm trường (trực tiếp và qua mạng) theo hướng dẫn tại Công văn số 5555/BGD&ĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ GD&ĐT.

16. Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý

Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên

Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học.

Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, hội thảo, bồi dưỡng về chuyên môn do Sở, Bộ Giáo dục tổ chức. Hỗ trợ hoạt động đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong trường phổ thông; tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học; tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại trường, cụm trường;

Tiếp tục bồi dưỡng giáo viên về năng lực nghiên cứu khoa học và hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học; nâng cao năng lực của giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ phụ trách công tác Đoàn, nhân viên y tế, nhân viên thư viện.

Tăng cường quản lý đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên

Nhà trường tổ chức xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ chi tiết, cụ thể. Thành lập Ban kiểm tra nội bộ, tự kiểm tra, đánh giá một cách toàn diện về các mặt hoạt động trong nhà trường. Tăng cường công tác kiểm tra, dự giờ đột xuất.

Nhà trường chỉ đạo giáo viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT tổ chức. Tùy theo từng nội dung tập huấn, nhà trường chỉ đạo giáo viên áp dụng, vận dụng trong thực tiễn giảng dạy, giáo dục học sinh.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên về chuyên môn và nghiệp vụ theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Chủ động rà soát đội ngũ, đề nghị Sở GD&ĐT bố trí sắp xếp để đảm bảo số lượng, chất lượng cân đối về cơ cấu GV, nhân viên thiết bị. Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý nhiệm kỳ 2025– 2030. Phát huy cao tinh thần trách nhiệm của tổ trưởng, nhóm trưởng. Làm tốt công tác giao ban đầu tuần đối với lãnh đạo trường, các tổ chức và các tổ trưởng.

17. Công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

- Tiếp tục triển khai công tác tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn ban hành tại Thông tư 57/2026/TT-BGD&ĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Thực hiện thành lập Hội đồng tự đánh giá; Thu thập, cập nhật, sử dụng và phân tích thông tin, dữ liệu, minh chứng phù hợp;

Xác định điểm mạnh, hạn chế, nguyên nhân và mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục; Xây dựng, thực hiện, theo dõi và điều chỉnh kế hoạch cải tiến chất lượng; Đánh giá toàn diện nhà trường theo hướng trường chuẩn và theo hướng đổi mới của ngành.

Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện đảm bảo CLGD: Triển khai công tác tự đánh giá; rà soát kỹ, nâng cao chất lượng báo cáo tự đánh giá; tập hợp, bổ sung các hồ sơ thông tin, minh chứng; triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng đã được xây dựng trong báo cáo tự đánh giá.

- Căn cứ thời gian tổ chức các kì thi của Sở GD&ĐT, nhà trường xây dựng chi tiết, khoa học kế hoạch bồi dưỡng, tuyển chọn học sinh, nghiệm thu đánh giá các sản phẩm; khuyến khích, động viên các thầy giáo, cô giáo, tâm huyết với phong trào bồi dưỡng HSG, nghiên cứu khoa học; học sinh nỗ lực phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập.

Chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức các kỳ thi năm học 2026 - 2027; Tổ chức tập huấn nghiệp vụ thi cho cán bộ, giáo viên nắm vững và thực hiện đúng quy chế, quy định, nhất là trong công tác coi thi; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo và tổ chức thi; chủ động trước các phương án thay đổi hình thức thi Tốt nghiệp THPT.

Giáo viên chủ động thực hiện theo kế hoạch các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra cuối kỳ một cách chính xác, khách quan, công bằng.

*** Với các bài kiểm tra định kỳ, cuối kỳ.**

Hình thức tổ chức:

Kiểm tra trực tiếp hoặc trực tuyến (tổ chức tùy điều kiện học sinh đi học tại trường hay đang học trực tuyến).

Kiểm tra các bài kiểm tra 45', 90' và học kỳ theo đơn vị lớp các môn học theo kế hoạch bộ môn, do thầy cô bộ môn tổ chức.

Thời gian tổ chức: theo kế hoạch từng bộ môn

Thời gian kiểm tra định kỳ và kiểm tra học kỳ của môn Toán, Văn: 90 phút. môn Anh: 60 phút, các môn còn lại: 45 phút.

Cấu trúc đề thi (dựa theo quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024):

Đề kiểm tra bám sát theo ma trận đề thống nhất của nhóm chuyên môn từ đầu năm học. Tỷ lệ các mức độ: Nhận biết- Thông hiểu-Vận dụng- Vận dụng cao lần lượt là 4-3-2-1.

a. **Hình thức tự luận:** Môn thi: Ngữ văn-đề thi gồm: 02 phần (Đọc hiểu và Viết).

b. **Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận ngắn:**

STT	Môn thi	Thời gian thi (phút)	Số lượng câu hỏi		
			Phần I	Phần II	Phần III
1	Toán	90	12	4	6
2	Vật lí	45	18	4	6
3	Hóa học	45	18	4	6
4	Sinh học	45	18	4	6
5	Địa lí	45	18	4	6

STT	Môn thi	Thời gian thi (phút)	Số lượng câu hỏi		
			Phần I	Phần II	Phần III
6	Lịch sử	45	24	4	0
7	Giáo dục kinh tế - pháp luật	45	24	4	0
8	Tin học	45	24	61	0
9	Công nghệ				
9.1	Công nghệ công nghiệp	45	24	4	0
9.2	Công nghệ nông nghiệp	45	24	4	0
10	Ngoại ngữ	60	40	0	0

Lưu ý:

- Phần I gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn cho 04 phương án chọn 01 đáp án đúng

- Phần II gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm dạng Đúng/Sai. Mỗi câu hỏi có 04 ý, tại mỗi ý thí sinh lựa chọn đúng hoặc sai.

- Phần III gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm dạng trả lời ngắn. Thí sinh tô vào các ô tương ứng với đáp án của mình.

c. Cách thức tính điểm:

- Tự luận:

Phần I - Đọc hiểu: 04 điểm.

Phần II - Viết: 06 điểm.

Tổng điểm tối đa toàn bài: 10 điểm.

- Trắc nghiệm:

Phần I và phần II: Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.

Phần III: mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

*** Kiểm tra đánh giá thường xuyên**

Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: Giáo viên chủ động đa dạng các hình thức kiểm tra thường xuyên phù hợp với học sinh từng lớp như trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập nhóm, dự án, vở soạn bài...

Số điểm tối thiểu kiểm tra đánh giá thường xuyên: Đảm bảo đủ cơ sở điểm đánh giá thường xuyên đối với mỗi học sinh trong từng học kỳ.

*** Phương án KTĐG bù cho những HS thiếu bài KT định kỳ:**

Tổ chức kiểm tra bù ngay cho học sinh sau tuần học sinh nghỉ.

*** Phương án KTĐG lại sau kỳ nghỉ hè**

Tổ chức vào tuần thứ 2 của tháng 8 năm 2026.

*** Tổ chức thi thử đại học, kiểm tra khảo sát, thi học kỳ, kiểm tra định kì có chất lượng**

+ Thi thử tốt nghiệp THPT

- Đợt 1: Vào đầu tháng 12/2026

- Đợt 2: Vào đầu tháng 4/2027

- Đợt 3: Vào cuối tháng 5/2027

+ Thi khảo sát khối 10, 11

- Đợt 1: giữa tháng 12/2026

- Đợt 2: Cuối tháng 4/2027 (Trước khi thi HK II).

Ngoài ra, các đ/c GV dạy ôn thi tốt nghiệp có kế hoạch kiểm tra thường xuyên.

Chuẩn bị tốt các điều kiện để HS khối 12 tham dự Kỳ thi Tốt nghiệp THPT năm 2027 đạt kết quả cao. Phần đầu tỷ lệ đỗ Tốt nghiệp đạt 100%; tỷ lệ đỗ Đại học nguyện vọng 1 từ 80% trở lên. Tổ chức nghiêm túc kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2027-2028.

18. Công tác kiểm tra nội bộ trường học

Thực hiện nghiêm túc Công văn số 1804/SGDĐT-TTr ngày 13/9/2022 của Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên V/v hướng dẫn thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra năm học 2025-2026. Thông tư số 28/2024/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 28/12/2024 quy định nội dung thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục và thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục, nhà trường ngay từ đầu năm đã xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ.

Cá nhân được kiểm tra				
Thời gian	Nội dung	Họ và tên	Hình thức kiểm tra	Lực lượng tham gia KT
Tháng 9	Kiểm tra hoạt động sư phạm GV	Trương Bích Hải	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	Ban chuyên môn (Danh sách kèm theo quyết định)
	Kiểm tra hoạt động sư phạm GV	Đỗ Thị Phương	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	
	Kiểm tra hoạt động sư phạm GV	Hoàng Thị Thủy	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	
	Chuyên đề GD	Tô Thị Thùy Linh	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Nguyễn Thị Tú	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Hoàng Thị Loan	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Trần Thị Thu Hằng	KT Hồ sơ, Dự giờ	

	Chuyên đề GD	Nguyễn Thị Kim Nhân	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Phạm Thị Nhân	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Phùng Thị Nguyệt	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Phạm Thị Nhan	KT Hồ sơ, Dự giờ	
Tháng 10	Kiểm tra hoạt động sư phạm GV	Nguyễn Thị Châm	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	Ban chuyên môn (Danh sách kèm theo quyết định)
	Kiểm tra hoạt động sư phạm GV	Nguyễn Thị Hà	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	
	Kiểm tra hoạt động sư phạm GV	Phạm Thị Thu Hà	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	
	Chuyên đề GD	Nguyễn Thị Hoa	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Lê Thị Tươi S	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Hoàng Văn Hùng	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Trần Thị Ngân	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	
	Chuyên đề GD	Đỗ Thị Thùy Chi	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Phan Quốc Anh	KT Hồ sơ, Dự giờ	
Tháng 11	Kiểm tra hoạt động sư phạm GV	Lê Thị Tươi H	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	Ban chuyên môn (Danh sách kèm theo quyết định)
	Kiểm tra hoạt động sư phạm GV	Đào Thị Hạt	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	
	Kiểm tra hoạt động sư phạm GV	Nguyễn Kiều Lan	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	
	Kiểm tra hoạt động sư phạm GV	Chu Thị Bích Hạnh	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	

Tháng 12	Chuyên đề GD	Nguyễn Thị Giang	KT Hồ sơ, Dự giờ	Ban chuyên môn (Danh sách kèm theo quyết định)
	Chuyên đề GD	Đỗ Thị Thiết	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề QCCM	Nguyễn Thị Giang	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Chu Đức Thịnh	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Nguyễn Thị Thu Hiền	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Đoàn Bích Huyền	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Vương Thị Quy	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Kiểm tra hoạt động sư phạm GV	Lê Đức Thọ	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	
	Kiểm tra hoạt động sư phạm GV	Nguyễn Thị Bích Hường	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	
	Chuyên đề GD	Nguyễn Thị Châm	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Nguyễn Việt Kiên	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Hoàng Thị Yến	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Nguyễn Thế Kiên	KT Hồ sơ, Dự giờ	
Tháng 1	Kiểm tra hoạt động sư phạm GV	Đỗ Thị Thi	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	Ban chuyên môn (Danh sách kèm theo quyết định)
	Kiểm tra hoạt động sư phạm GV	Nguyễn Thị Ngát	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	
	Chuyên đề GD	Đinh Thị Thành	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Đỗ Thị Phương Yến	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Trịnh Thị Hằng	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Đỗ Thị Cúc	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Nguyễn Đình Minh	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Đỗ Thị Huệ	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Kiểm tra hoạt động	Đỗ Minh Đức	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực	

Tháng 2	động sự phạm GV		hiện quy chế chuyên môn	
	Kiểm tra hoạt động sự phạm GV	Ngô Thị Thủy	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	
	Kiểm tra hoạt động sự phạm GV	Nguyễn Thị Duyên	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	
	Chuyên đề GD	Nguyễn Thu Thủy A	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Đỗ Thị Thời	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Nguyễn Thị Thủy	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Nguyễn Thu Thủy	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Đỗ Thị Huệ	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Quản Việt Hương	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Lê Thị Hạnh	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Dương Thị Thanh	KT Hồ sơ, Dự giờ	
Tháng 3	Kiểm tra hoạt động sự phạm GV	Chu Xuân Chinh	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	Ban chuyên môn (Danh sách kèm theo quyết định)
	Kiểm tra hoạt động sự phạm GV	Nguyễn Thị Loan	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	
	Kiểm tra hoạt động sự phạm GV	Nguyễn Thị Dương	KT Hồ sơ, Dự giờ, KT việc thực hiện quy chế chuyên môn	
	Chuyên đề GD	Đào Trà Giang	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Lê Văn Lương	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Nguyễn Thị Thảo	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Nguyễn Thị Kim Nhân	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Đỗ Thị Dung	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Nguyễn Thị Thảo	KT Hồ sơ, Dự giờ	

	Chuyên đề GD	Nguyễn Văn Anh	KT Hồ sơ, Dự giờ	
	Chuyên đề GD	Hà Thị Quỳnh Giao	KT Hồ sơ, Dự giờ	
Tổ chức được kiểm tra				
T/gian	Nội dung	Tổ nhóm, tổ chức	Hình thức kiểm tra	Lực lượng tham gia KT
Tháng 9	Kiểm tra tình hình đội ngũ	Tổ HC	Kiểm tra, xem xét, phân tích, đánh giá hồ sơ	Tổ KT số 1
	Kiểm tra cơ sở vật chất kỹ thuật	HC & Thiết bị		
	Hoạt động tổ nhóm chuyên môn	Tổ Toán - Tin; Tổ Lý – Công – Thể		
Tháng 11	Kiểm tra công tác thư viện	Thư viện	Kiểm tra, xem xét, phân tích, đánh giá hồ sơ	Tổ KT số 2
	Kiểm tra công tác thiết bị	Thiết bị		
	Hoạt động tổ nhóm chuyên môn	Tổ Văn, Tổ Xã hội		
Tháng 2	Kiểm tra công tác văn thư, hành chính	Tổ HC	Kiểm tra, xem xét, phân tích, đánh giá hồ sơ	Tổ KT số 1
	Kiểm tra công tác tài chính, kế toán	Kế toán		
	Hoạt động tổ nhóm chuyên môn	Tổ Hóa – Sinh, Tổ Anh		

Tăng cường công tác kiểm tra đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung vào những nội dung sau: Thực hiện chế độ chính sách đối với nhà

giáo, cán bộ quản lý giáo dục; bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ; đạo đức nhà giáo; thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường; công tác kiểm tra nội bộ trường học; công tác PCTN; công tác tiếp công dân, giải quyết KN, TC; thực hiện quy chế chuyên môn; thực hiện quy định về dạy thêm học thêm, thu chi tài chính; các kỳ thi; tuyển sinh đầu cấp. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đơn vị, nhất là tự kiểm tra trách nhiệm quản lý của hiệu trưởng, người đứng đầu về các nội dung: thực hiện quy định về đạo đức nhà giáo; quy tắc ứng xử trong trường học; các điều kiện đảm bảo trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích.

Kiểm tra việc thực hiện các quy định của Luật giáo dục, Điều lệ nhà trường; Quy chế tổ chức và các hoạt động do Bộ và Sở GD&ĐT ban hành và những quy định khác có liên quan.

Kiểm tra đánh giá về số lượng, chất lượng cán bộ quản lý cấp tổ, giáo viên, nhân viên đối chiếu với định mức, tiêu chuẩn hoá trình độ đào tạo.

Việc thực hiện các quy định của Bộ về nội dung chương trình giảng dạy; Kiểm tra việc thực hiện chương trình, nội dung, kế hoạch dạy học, quy chế chuyên môn, kiểm tra đánh giá xếp loại, xét lên lớp, thi tốt nghiệp THPT, thi học sinh giỏi, thi tuyển sinh, ...

Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục: văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ, thể chất, quốc phòng, lao động hướng nghiệp, dạy nghề, theo quy định; kết quả giáo dục, kỹ năng sống, phòng chống tai nạn, tệ nạn xã hội khác.

Kiểm tra công tác quản lý của Hiệu trưởng nhà trường, bao gồm:

+ Việc thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục, công tác đánh giá Hiệu trưởng, đánh giá giáo viên theo quy định chuẩn nghề nghiệp;

+ Thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/BGDDT ngày 03/09/2024: Công khai về chất lượng; công khai về đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học; công khai về tài chính;....

+ Xây dựng kế hoạch giáo dục; bố trí việc sử dụng đội ngũ; thực hiện Quy chế dân chủ; giải quyết KNTC (nếu có); thực hiện các chế độ chính sách đối với nhà giáo, người học;

+ Công tác kiểm tra, quản lý chuyên môn, tài chính, tài sản;

+ Công tác xã hội hoá giáo dục và phối hợp với các tổ chức, lực lượng trong và ngoài nhà trường cũng như việc thực hiện các nhiệm vụ khác;

+ Kiểm tra cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, vệ sinh, an toàn, cảnh quan, môi trường sư phạm; thiết bị dạy học, phương tiện làm việc; số lượng, chất lượng phòng học, phòng làm việc, phòng thiết bị dạy học, phòng học bộ môn, thư viện, sân chơi, bãi tập ...

+ Kiểm tra các hoạt động dạy và học, kiểm tra, đánh giá; các nguồn lực và điều kiện đảm bảo cho hoạt động dạy và học (cơ sở vật chất, trang thiết bị, công tác quản lý giáo dục...) theo đúng quy định.

+ Tiếp tục kiểm tra việc thực hiện “ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới quản lý tài chính và triển khai phong trào xây dựng trường học hạnh phúc.

Công tác giải quyết khiếu nại tố cáo và tiếp công dân: Kế hoạch kiểm tra giải quyết KNTC và tiếp công dân phải xây dựng theo nguyên tắc phòng ngừa là chính; khi có vụ việc thì phải tập trung phối hợp giải quyết kịp thời, dứt điểm ngay từ đầu.

19. Công tác tổ chức cán bộ

Bố trí, sắp xếp cán bộ quản lý cấp tổ và giáo viên; phân công lao động hợp lý, khoa học, phát huy năng lực đội ngũ.

Thường xuyên rà soát xây dựng, quy hoạch đội ngũ; tinh giản biên chế theo Nghị định 108 của Chính phủ và Kết luận 05/KL-TU.

Thực hiện chế độ chính sách: Đảm bảo các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường kiểm tra, tự kiểm tra tình hình quản lý cán bộ, công chức, viên chức; bố trí, phân công công tác; chất lượng và hiệu quả sử dụng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Tiếp tục triển khai đánh giá theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Công văn số 415/SGDDĐT-TCCB ngày 27/3/2019.

Công tác lập và lưu trữ hồ sơ thực hiện theo các hướng dẫn của Sở GD&ĐT

20. Công tác Thư viện

Đảm bảo 100% học sinh có đủ SGK, 100% giáo viên có đủ sách nghiệp vụ; hằng năm mua bổ sung sách giáo khoa, sách tham khảo. Xây dựng tủ sách dùng chung, giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật...

Phủ sóng Wifi, kết nối mạng Internet tạo điều kiện thuận lợi nhất cho học sinh và giáo viên đọc sách, nghiên cứu, phát động phong trào văn hóa đọc.

Cán bộ thư viện tham mưu xây dựng thư viện đạt chuẩn. GVCN khuyến khích học sinh đẩy mạnh văn hóa đọc; tạo hứng thú cho cán bộ, giáo viên và học sinh khi đến thư viện.

Xây dựng phòng đọc, mua sắm hệ thống bàn ghế đạt chuẩn, chú trọng CSVC cho thư viện.

Thường xuyên cập nhật tài liệu mới phù hợp với yêu cầu của nhà trường.

Sử dụng, quản lý công tác thư viện thông qua hệ thống phần mềm thư viện, xây dựng thư viện điện tử.

21. Công tác tài chính

- 100% CBGVCMV được đảm bảo chế độ; đảm bảo ngân sách cho các hoạt động của nhà trường, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt ngân sách dẫn đến nợ lương, nợ bảo hiểm của CBGVCMV.

- Việc thu- chi tài chính minh bạch, đúng Luật ngân sách.

- Nhà trường triển khai xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đầu năm học.

- Đầu năm học, bộ phận tài chính- kế toán, ban thanh tra nhân dân công khai số tiền còn lại trong ngân sách, công khai kết quả thu- chi của năm học. Lập kế hoạch dự toán thu học phí và kế hoạch chi trả lương, các khoản theo lương

- Đầu năm (tài chính), kế toán xây dựng kế hoạch tài chính của năm, kế hoạch phải phân định rõ các khoản: Lương và các khoản theo lương, chi trả theo chế độ phụ cấp qui định hiện hành, chi cho các hoạt động chuyên môn...

- Việc thực hiện thu- chi đúng luật ngân sách hiện hành, không dùng tiền mặt.

22. Công tác truyền thông

Tập trung truyền thông việc triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo hiện hành; công tác chuẩn bị các điều kiện đảm bảo chất lượng triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

Tổ chức hoạt động truyền thông nhân các ngày lễ, các cuộc vận động của ngành “tuần lễ nước sạch, vệ sinh môi trường”, “ngày biển đảo”, “ngày pháp luật”...

Làm tốt công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh nhà trường.

23. Phân công lao động

- Phân công lao động dựa trên mặt bằng lao động cân đối giữa các tổ chuyên môn và các thành viên trong tổ chuyên môn.

- Phân công lao động phù hợp nhằm phát huy năng lực chuyên môn và năng lực trong công tác kiêm nhiệm.

- Lựa chọn giáo viên có năng lực, uy tín về chuyên môn đảm nhận giảng dạy nâng cao kiến thức, những giáo viên có năng lực trong công tác chủ nhiệm, giáo viên có năng lực tham gia các tổ chức đoàn thể.

- Trong quá trình chỉ đạo sắp xếp thời khóa biểu, cân đối giữa các tiết dạy của giáo viên, lưu ý giáo viên nuôi con nhỏ dưới 12 tháng, giáo viên bị ốm đau, thai sản, xa nhà... cho phù hợp và công bằng.

- Trong năm học chú trọng các công tác kiêm nhiệm được quy đổi ra tiết dạy: Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, phụ trách phòng thiết bị, thí nghiệm...Đảm bảo cơ cấu mặt bằng hợp lý.

24. Hồ sơ của giáo viên

Tất cả giáo viên có đủ các loại hồ sơ dạy học tối thiểu theo quy định hiện hành, bao gồm: Kế hoạch giáo dục của giáo viên (Phụ lục 1,3 CV 5512 BGDDT); Kế hoạch cá nhân; Kế hoạch BDTX; Kế hoạch bài dạy (giáo án); lịch báo giảng (điện tử); Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (Sổ điểm con); Sổ chủ nhiệm (nếu là giáo viên chủ nhiệm) và một sổ ghi chép các cuộc họp, dự giờ.

Định kì tổ trưởng, kiểm tra chất lượng kế hoạch bài dạy, chú ý giáo viên soạn dạy theo chủ đề, kế hoạch tổ chức các hoạt động chuyên môn ngoài giờ lên lớp.

Ban chuyên môn tiến hành kiểm tra hồ sơ chuyên môn theo định kì, đối với các kế hoạch kiểm tra đầu năm học, mỗi kì kiểm tra 02 lần: đầu kì và cuối kì.

Kết quả kiểm tra hồ sơ làm cơ sở đánh giá, xếp loại giáo viên trong năm học.

Tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch tự kiểm tra tổ viên mình. Đảm bảo kế hoạch bài dạy được tổ trưởng kiểm tra và kí trước 1 tuần giảng dạy.

Văn phòng nhà trường mua các loại hồ sơ về quản lí chuyên môn cho giáo viên như: Lịch báo giảng, sổ Chủ nhiệm...

25. Đẩy mạnh công tác thi đua khen thưởng

Tiếp tục thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với các cơ sở giáo dục trung học, cán bộ quản lý và giáo viên trung học theo quy định. Tích cực hưởng ứng, phát động phong trào thi đua do ngành Giáo dục và địa phương phát động, tổ chức phong trào thi đua với nội dung phù hợp, hình thức thiết thực, động viên, khích lệ các tập thể, cá nhân tích cực tham gia thi đua, kế thừa và phát huy truyền thống hiếu học, nêu cao tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ năm học.

Kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, các mô hình tiêu biểu, các hoạt động đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy, học tập trong nhà trường.

Căn cứ các tiêu chí thi đua theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT thành các hoạt động cụ thể để thực hiện có chất lượng, hiệu quả các mặt công tác trong nhiệm vụ năm học; bảo đảm công bằng, minh bạch, gắn với hiệu quả công việc. Trường xây dựng, ban hành và thường xuyên rà soát, cập nhật Quy chế Thi đua, khen thưởng; Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua, khen thưởng của nhà trường.

Tiếp tục thực hiện tốt việc khen thưởng, kỷ luật vì sự tiến bộ của học sinh; bảo đảm thực hiện đúng quy định, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời, tạo cảm hứng và động lực phấn đấu cho học sinh; tăng cường các biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực để rèn luyện ý thức kỷ luật, trách nhiệm của học sinh đối với bản thân, thầy, cô, bạn bè, gia đình và cộng đồng.

Phát động và tổ chức các phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, của ngành. Thực hiện tốt công tác khen thưởng đối với, CBQL, giáo viên, nhân viên và học sinh theo quy định.

III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU

1. Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh

- Kết quả rèn luyện: Tốt và khá đạt trên 92%, Đạt 7%, Chưa Đạt dưới 1%
- Kết quả học tập: Giỏi trên 48%, Khá trên 45%, Đạt 5%, Chưa đạt dưới 1%
- Tham gia đầy đủ các cuộc thi, phần đầu đạt từ 24 giải cấp tỉnh qua các kì thi;
- Học sinh lên lớp thẳng: từ 98%;
- Học sinh lưu ban: dưới 0.5%;
- Học sinh bỏ học: dưới 0.5%;
- Tỉ lệ TN khối 12: trên 99%, phần đầu TB điểm thi TN THPT Tỉnh Hưng Yên đứng thứ 8 toàn quốc
- Học sinh đỗ đại học: từ 85% trở lên;

2. Chỉ tiêu phân đầu đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên:

- 100% cán bộ công chức, viên chức (*đủ điều kiện dự bình*) đạt lao động tiên tiến; đánh giá công chức cuối năm từ khá trở lên.
- 100% cán bộ công chức, viên chức là tấm gương sáng cho học sinh noi theo.
- 100% gia đình cán bộ công chức, viên chức là Gia đình văn hóa.
- 100% cán bộ công chức, viên chức thực hiện tốt các cuộc vận động trong trường.
- 100% thầy cô giảng dạy có đủ hồ sơ chuyên môn mới, thực hiện nghiêm túc Quy chế chuyên môn.
- Vận động 100% CBGVVN viết sáng kiến, có từ 8 sáng kiến nộp về Sở và có từ 8 sáng kiến được Hội đồng sáng kiến ngành công nhận.
- Nhà trường tham gia đủ các cuộc thi do các cấp phát động.
- 100% cán bộ Công chức, viên chức thực hiện đúng quy định về dạy thêm học thêm do các cấp quy định.
- 100% cán bộ, GV thực hiện được phần mềm quản lý điểm và quản lý học sinh và nhập điểm đúng tiến độ.
- 60 % trở lên có số tiết thao giảng đạt loại giỏi, 40% trở lên số tiết thao giảng đạt loại khá.
- Viên chức hành chính đảm bảo nghiêm túc giờ công, ngày công và chất lượng công việc.

- Cán bộ, viên chức tham gia đầy đủ các hội thi do các cấp phát động và phần đầu ít nhất có một viên chức đạt giải của hội thi.

- Lựa chọn 20% viên chức đề nghị cấp trên công nhận đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 30 % GVG cấp trường.

- Có 3 đến 5 cán bộ viên chức viên được các cấp khen thưởng.

3. Các danh hiệu tập thể

- Nhà trường đạt Tập thể lao động xuất sắc.

- Có 6 tổ chuyên môn và tổ Văn phòng đạt Tập thể lao động tiên tiến.

- Chi bộ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Đoàn thanh niên: vững mạnh

- Hội Chữ thập đỏ: vững mạnh

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để b/c);

- Các tổ chuyên môn (để thực hiện);

- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG

(đã kí)

Nguyễn Thị Thu Hiền